

Đắk Lắk

Nguyệt san

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG
CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số 06 - bộ mới
314 (số cũ)
12/2025



Đắk Lắk

Nguyệt san

CƠ QUAN CỦA BẢNG BỘ
ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK
TIẾNG NÓI CỦA BẢNG
CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số 06 - bộ mới
314 (số cũ)
12/2025



• Giám đốc:

ĐÀO PHẠM HOÀNG QUYÊN

• Giấy phép xuất bản số 31/GP-
BT/TTT ngày 21/01/2022 của Bộ TT-
TT-ISSN 8868

• Tòa soạn: 23 Lê Duẩn
- P. Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk

• Điện thoại: (0262).3852383
- 3810414

• Email: toasoan.baodaklak
@gmail.com

• In tại Công ty TNHH Một thành viên
In Đắk Lắk

• Số lượng in 5.000 tờ

• Khuôn khổ 21X29 cm • 32 trang

• Giá: 15.000 đồng

Ảnh bìa 1: Cán bộ, chiến sĩ
Sư đoàn 315 (Quân khu 5)
khởi công xây nhà cho người dân
xã Hòa Thịnh

Ảnh: Tiến Lượng

Trình bày: Công Định

TRONG SỐ NÀY

THEO DÒNG THỜI SỰ

Về nơi có cánh rừng Trần Hưng Đạo...	2-3
Chuyện kể về những người lính tàu Không số	4-5
Cựu lính hải quân kể chuyện cắm cờ trên đảo Tốc Tan	6-7
Dấu chân người lính...	10-11

TIÊU ĐIỂM

Những ân tình trong lũ dữ	12-13
Những chuyến xe nghĩa tình	14-15

VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

Âm vang công chiêng	18-19
---------------------	-------

PHÓNG SỰ - KÝ SỰ

Chuyện kể về nữ tướng rừng xanh	24-25
Tướng về làng	26-27

Về nơi có cánh rừng TRẦN HƯNG ĐẠO...

✎ **LÊ ĐỨC DỤC**

Kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, chúng tôi lại về với những vùng đất lịch sử, quê hương của những người lính đầu tiên.

Ở đó, trong mỗi ngôi nhà dân hay trường học, vẫn lưu truyền những câu chuyện về người anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam - Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

TRONG KÝ ỨC NGƯỜI BẢN UM

Lần ghé bản Um (xã Tam Kim, tỉnh Cao Bằng), chúng tôi đã gặp gia đình anh Đặng Văn Thắng, con trai của cụ Đặng Tuấn Quý - một trong 34 người lính đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành lập ngày 22/12/1944. Cụ Đặng Tuấn Quý đã mất từ năm 1991 khi mới 67 tuổi.

Anh Thắng kể: “Bố tôi cũng như nhiều người lính của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thôi, sau khi rời quân ngũ lại về xã, công tác tại địa phương. Những năm đó, khi về quê bố tôi là xã đội trưởng xã Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình), sau này tách thành xã Tam Kim thì lại về Tam Kim làm đội trưởng sản xuất. Cả 5 anh chị em nhà tôi đều sống quanh đây, vẫn làm ruộng chăn trâu...”. Có một tấm hình được gia đình anh Thắng rất nâng niu, cất giữ trang trọng là tấm hình chụp vợ anh - chị Chu Thị Hò trong



Chị Chu Thị Hò gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong lần Đại tướng về thăm Tam Kim tháng 12/1994.

Ảnh tư liệu

lần đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm lại khu rừng Trần Hưng Đạo năm 1994.

Chị Chu Thị Hò kể rằng ngày ấy, nghe tin Đại tướng về thăm lại Cao Bằng, nhân dân trong vùng phấn khởi lắm. Dù đường từ Cao Bằng vào Tam Kim vào thời điểm hơn 20 năm trước còn rất khó đi; riêng chặng đường gần 20 cây số từ huyện lỵ Nguyên Bình vào Tam Kim, xe chỉ đi được từng đoạn trong khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp năm ấy đã 83 tuổi nhưng Đại tướng vẫn vào tận nơi. Hôm đó, sau khi vào thăm và cắt băng khánh thành Khu Di tích lịch sử văn hóa Rừng Trần Hưng Đạo (nay là di tích quốc gia đặc biệt), Đại tướng đã gặp người dân địa phương tại di tích Đồn Phai Khắt - nơi diễn ra trận đánh đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân

chỉ hai ngày sau khi thành lập.

Di tích Đồn Phai Khắt vốn là ngôi nhà của gia đình cụ Nông Văn Lạc. Khi Pháp lập đồn binh, chúng lấy luôn nhà của gia đình làm đồn. Trận đánh đầu tiên ấy đã được nhắc nhiều trong những cuốn sách lịch sử. Trong nhiều năm, di tích Đồn Phai Khắt được sử dụng làm nơi trưng bày nhiều hiện vật và hình ảnh của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ngày đầu thành lập. Cách đây hơn 10 năm, nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, một khu nhà trưng bày và đón tiếp khang trang, to đẹp đã được xây dựng ngay cửa ngõ vào khu rừng thiêng thuộc quần thể Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, được bổ sung thêm nhiều hiện vật quý. Đồn Phai Khắt thôi “kiềm” thêm nhiệm vụ

trưng bày mà được phục chế trở lại nguyên trạng như xưa, là một hạng mục trong quần thể di tích.

MÓN QUÀ CỦA GIA ĐÌNH ĐẠI TƯỚNG

Thật bất ngờ, khi trở lại Tam Kim, chúng tôi thấy ngôi trường tiểu học của xã bên con đường vào khu rừng di tích còn tươi mới màu sơn vàng ấm. Trong ánh nắng đầu đông ở rẻo cao, ngôi trường sáng lên như một vệt màu rực rỡ giữa màu rừng trầm mặc.

Thầy Nông Văn Hùng, Hiệu trưởng nhà trường cho biết Trường Tiểu học Tam Kim là món quà của Đại tướng Võ Nguyên Giáp tặng cho bà con nhân dân nơi đây thông qua sự tài trợ của một doanh nghiệp nước ngoài. Canh cánh với cuộc sống còn nhiều vất vả của những người dân đã từng nuôi đội quân của mình trong những ngày đầu trứng nước, khi ở tuổi 102, Đại tướng và gia đình đã vận động doanh nghiệp đầu tư xây dựng ngôi trường với

kinh phí xây dựng 180.000 USD, gồm một tòa nhà hai tầng xây mới với 6 phòng học, nâng cấp 3 phòng học khác, khu sân chơi với tường rào bảo vệ xung quanh khuôn viên và hệ thống nước sạch. Các khu nhà đều có đường dành cho xe lăn nhằm đảm bảo cho phụ huynh và học sinh khuyết tật có thể dễ dàng tiếp cận.

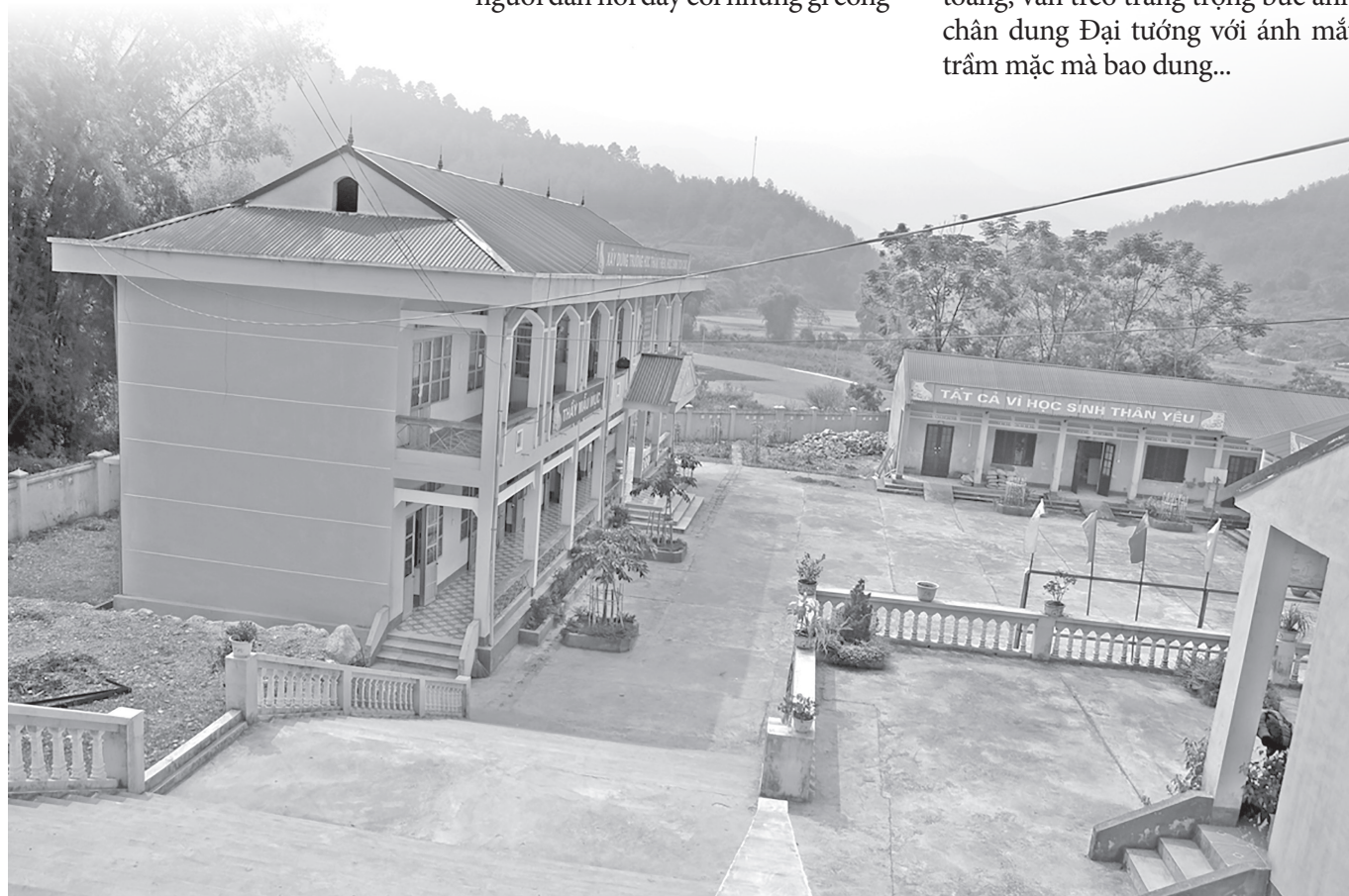
Khởi công vào tháng 1/2013 nhưng sau khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua đời tròn 3 tháng, ngôi trường mới được khánh thành và bàn giao cho nhân dân Tam Kim. Thầy Nông Văn Hùng còn cho biết, ngoài sự tài trợ của doanh nghiệp, anh Võ Hồng Nam - con trai Đại tướng cùng gia đình vận động trang bị thêm bàn ghế, phòng máy vi tính, máy chiếu, máy in và nhiều học cụ khác cho ngôi trường này.

Trong cánh rừng thiêng Trần Hưng Đạo, có lẽ chính vì miền ký ức quá thăm thẳm ân tình nên mỗi sự đền đáp cho nhân dân với lòng tri ân quá khứ luôn được người dân nâng niu trân trọng. Cũng có thể bởi vì người dân nơi đây coi những gì cống

hiến cho cách mạng từ thuở gieo neo, trứng nước như là việc đương nhiên nên không ai đòi hỏi phải đền đáp, dù hoàn cảnh có khó khăn. Như ngôi nhà anh Đặng Văn Thắng, đến bây giờ mới được hỗ trợ để xây một ngôi nhà cấp 4 nhưng cả nhà đã thấy vui rộn ràng và đầy niềm biết ơn.

Về những vùng đất như Tam Kim - cái nôi của cách mạng buổi đầu mới thấm thía hơn hai tiếng “hy sinh”. Ngay di tích Đồn Phai Khắt vốn là ngôi nhà của ông Nông Văn Lạc và bây giờ người cháu nội của ông, chị Nông Thị Bích, hướng dẫn viên của khu di tích này vẫn xem chuyện hiến ngôi nhà mình cho cách mạng là chuyện bình thường.

Những người dân bình dị ở Tam Kim mà chúng tôi gặp hôm nay đã bền lòng đi qua gần ấy tháng năm, son sắt với cách mạng phải chăng chính từ sức thuyết phục của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với cuộc đời họ? Và bởi thế, trong mỗi ngôi nhà dân ở nơi đây, dù nhà gạch tường xây hay căn nhà sàn tuềnh toàng, vẫn treo trang trọng bức ảnh chân dung Đại tướng với ánh mắt trầm mặc mà bao dung...



Ngôi trường được gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp vận động xây dựng tặng nhân dân xã Tam Kim. Ảnh: Đ. Dục

Chuyện kể về những NGƯỜI LÍNH TÀU KHÔNG SỐ



Cựu chiến binh Nguyễn Văn Quốc - người lính tàu
Không số năm xưa. Ảnh: X. Dũng

PHẠM XUÂN DŨNG

Trong chuyến đi đến tỉnh Quảng Trị, chúng tôi đã có vinh dự được gặp những cựu chiến binh Đoàn tàu Không số năm xưa và được nghe kể những câu chuyện thú vị.

CHUYẾN ĐI KÉO DÀI 5 NĂM

Trung úy Nguyễn Văn Quốc năm nay đã hơn 80 tuổi, là người lính lâu năm nhất của tỉnh Quảng Bình cũ (nay là tỉnh Quảng Trị) tham gia Đoàn tàu Không số, sau này là Lữ đoàn Hải quân 125.

Ông Quốc kể: Năm 1970 ông nhận lệnh chở vũ khí vào Bến Tre. Cũng đúng vào lúc này ông đã báo cáo với đơn vị về người vợ sắp cưới của mình. Định tổ chức một đám cưới giản dị theo tình hình thời chiến rồi lên đường nhưng ông lại nghĩ, đi một vài tháng, nếu còn sống rồi trở ra cưới cũng không muộn. Cưới rồi mà chẳng may hy sinh thì lỡ làng cho người phụ nữ ở quê nhà.

Những ngày đầu mới xuất phát có vẻ an toàn, nhưng ít ngày sau đã bị địch phát hiện. Đối phương theo dõi suốt mấy ngày liền bằng cả máy bay và khu trục hạm, tàu lớn, tàu nhỏ đủ loại. Thấy kẹt đường, tàu ta quay ra lánh nạn, rồi lại tìm hướng tiếp tục đi vào.

Nhưng khi tàu vào lại cũng bị địch phát hiện lần nữa, lần này thì không còn đường tránh. Ông Quốc nhớ lại: “Địch kèm riết tàu chúng

tôi. Chúng có hai tàu, súng pháo tua tua, chỉ chực ăn tươi nuốt sống. Địch nã pháo vào tàu, chúng tôi đánh trả, một tàu địch bị thương. Nhưng bên ta đợt đầu cũng hy sinh mất ba người. Tình thế thật cấp bách. Địch gọi thêm lực lượng chi viện, quyết không buông tha. Thấy vậy, chỉ huy tàu ra lệnh đưa tử sĩ vào bờ và chuẩn bị nổ bộc phá hủy tàu. Anh em hạ phao đưa tử sĩ ra xa tàu, rồi khẩn trương hủy tài liệu, cho nổ phá hủy tàu”.

Ông Quốc cùng một đồng đội bơi giữa biển mênh mông. Một lúc sau thấy có dấu chảy ra, mới biết mình lại quay về chỗ cũ, nơi con tàu chở vũ khí bị đánh đắm. Lại tìm đường bơi tiếp. Cứ mãi miết bơi như thế một ngày, một đêm mới vào được đến bờ... Cán bộ cơ sở đưa về chăm sóc, nghỉ ngơi và cấp phát lại áo quần. Rồi ông Quốc được phân công làm trưởng đài thông tin liên lạc ở khu vực xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cho đến ngày đất nước thống nhất. Vùng đất này bị tàn phá nặng nề bằng chất độc màu da cam, vì địch biết đây là nơi tập kết vũ khí của Đoàn tàu Không số. Đến năm 1982, ông Quốc xuất ngũ với chế độ bệnh binh.

Tưởng sống sót cũng đã may mắn lắm rồi, nhưng đúng là cuộc đời không ai học hết chữ ngờ.

Ông Quốc kể tiếp: “Trong đơn vị tôi cũng có người trùng họ trùng tên với tôi nhưng lại khác quê.

Không may anh ấy bị địch bắt lại khai tên là Nguyễn Văn Quốc, quê ở Ba Đồn, Bố Trạch, Quảng Bình. Thế là phát sinh bao nhiêu phiền phức, rầy rà kéo dài cho đến sau này...”. Địch cho Đài Phát thanh Sài Gòn phát thông tin này, rồi tuyên truyền rằng Nguyễn Văn Quốc quê ở Ba Đồn đã chiêu hồi. Tin dữ loang ra, cả vùng quê Ba Đồn năm ấy chộn rộn, bàn tán. Người vợ sắp cưới của ông Quốc không chịu nổi những lời đàm tiếu nên rút cuộc phải đi lấy chồng.

Chuyến đi tưởng chừng đôi ba tháng lại kéo dài đến 5 năm...

Những hạnh phúc cũng đã đến với ông Quốc, khi về sau ông gặp được một người vợ hiền, sinh hạ mấy đứa con nay đã phượng trưởng. Vậy là cuộc đời kết thúc có hậu đối với một con người đã trải qua thử thách chiến tranh sinh tử và chịu nhiều thiệt thòi...

CẮM CỜ Ở TRƯỜNG SA

Đại úy Phạm Quốc Hồng, cựu thuyền trưởng thuộc Đoàn tàu Không số, là một “sói biển” dày dạn và can trường ở xã vùng biển Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cũ, nay là xã Quảng Trạch, tỉnh Quảng Trị).

Trên tường nhà ông có treo một bức ảnh đen trắng, trong đó có cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Ông Hồng bảo: “Lính Đoàn tàu Không số được vinh dự chụp ảnh



Thủ tướng Phạm Văn Đồng chụp ảnh lưu niệm với cán bộ, chiến sĩ Đoàn tàu Không số (ông Phạm Quốc Hồng là người thứ tư từ phải sang). Ảnh chụp lại

với Thủ tướng năm 1975. Chuyện này có liên quan đến quần đảo Trường Sa”...

Thì ra vào năm 1975, khi nước nhà vừa mới thống nhất, Quân chủng Hải quân đã có những động thái rất sớm để khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam. Trong lúc tình hình đang ngổn ngang, tháng 5/1975, Lữ đoàn Hải quân 125 (tiên thân là Đoàn tàu Không số) nhận lệnh cấp trên tức tốc giải phóng và cắm cột mốc chủ quyền trên các

đảo thuộc quần đảo Trường Sa như đảo Trường Sa (còn gọi là Trường Sa Lớn), đảo Sinh Tồn, Nam Yết, Song Tử Tây.

Ông Hồng nhớ lại: “Tàu chúng tôi đến các đảo cắm mốc chủ quyền, khẳng định đó chính là đảo của mình, đảo của Việt Nam. Có những nơi thiếu cờ, làm thế nào để thể hiện đảo này thuộc Việt Nam. Tất cả hội ý, rồi nảy ra sáng kiến. Chúng tôi lấy các tấm tôn, sơn hình cờ đỏ sao vàng, rồi đóng cọc xuống

đảo. Đó cũng là một cách khẳng định chủ quyền của mình. Từ lính đến chỉ huy, ai cũng thấy vui, thấy tự hào!”

Sau chuyến đi này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào thăm tỉnh Khánh Hòa. Ông mời các sĩ quan, chiến sĩ cắm mốc chủ quyền Trường Sa chụp ảnh lưu niệm tại TP. Nha Trang; biểu dương khen ngợi Quân chủng Hải quân hoàn thành tốt nhiệm vụ khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa.

Kể rồi ông Hồng mở tủ, lấy ra tờ giấy xác nhận của Lữ đoàn Hải quân 125 do Đại tá Hoàng Năng Bảng ký tên và đóng dấu vào năm 1999. Trong văn bản này ghi rõ: “Đồng chí Phạm Quốc Hồng đã tham gia chiến dịch vận chuyển vũ khí từ Bắc vào Nam trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước... Đồng chí cũng đã tham gia chiến đấu và cắm mốc chủ quyền ở một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa”.

Vậy là lịch sử Trường Sa có thêm một cột mốc oai hùng khẳng định chủ quyền từ những chiến sĩ của Đoàn tàu Không số.



Ông Phạm Quốc Hồng kể chuyện về Đoàn tàu Không số. Ảnh: X. Dũng

Cựu lính hải quân kể chuyện CẨM CỜ TRÊN ĐẢO TỐC TÀN

 **MAI THẮNG**

21 đảo, điểm đảo thuộc quần đảo Trường Sa được ví như những “loa thành” hiện ngang giữa trùng khơi, tạo thành vành đai thép bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển. Để xây dựng những pháo đài hiện ngang ấy có công sức của biết bao người lính hải quân...

Trung tá, cựu thuyền trưởng Nguyễn Viết Chúc đã dành trọn tuổi xuân cho Trường Sa; giờ đây khi trở về đời thường, ông “sống lặng như lão tiểu phu”. Trong ngôi nhà nhỏ giản dị của gia đình ông nơi phố biển Vũng Tàu, đồ vật quý giá nhất là những bức ảnh kỷ niệm, huân huy chương và hai con ốc nón đặt trang trọng trên tủ. Ông nâng niu: “Đây là kỷ vật từ ngày đi giữ đảo Tốc Tan. Chúng gắn bó cả đời lính biển của tôi”.

Cuối năm 1987, Đại úy Nguyễn Viết Chúc là thuyền trưởng tàu sân ngầm HQ-07 thuộc Lữ đoàn 171



Canh chủ quyền đảo Tốc Tan. Ảnh: M. Thắng

Hải quân, nhận lệnh khẩn cấp hành quân ra Trường Sa khi tình hình căng thẳng. Trước lúc xuất phát, ông nhận điện từ quê nhà Thanh Hóa “gia đình có việc đặc biệt” buộc phải về gấp. Tàu tạm giao cho thuyền phó Nguyễn Xuân Sơn chỉ huy.

Ra khơi trong gió mùa đông bắc, tàu HQ-07 bị đứt neo, hỏng chân vịt và va phải san hô ngầm, buộc phải quay lại đất liền sửa chữa. “Lúc đó tôi đang ở quê, nghe tin mà như ngồi trên đồng lửa. Hôm sau, Lữ đoàn gọi điện khẩn, yêu cầu quay lại chỉ huy



Đảo Tốc Tan hiện nay. Ảnh: M. Thắng

biên đội hành quân ra đảo Tốc Tan. Bức điện ấy tôi vẫn giữ đến giờ”, ông Chúc kể.

Ngày ông trở lại Vũng Tàu cũng đúng lúc tàu HQ-07 vừa cập cảng Chí Linh. Tư lệnh Hải quân Giáp Văn Cương bay gấp từ Hải Phòng vào, trực tiếp giao nhiệm vụ: “Dù gian khổ hay hy sinh, cũng phải giữ bằng được đảo Tốc Tan. Nếu có tranh chấp, cho tàu ủi lên đảo, dựng bia chủ quyền”.

Ngày 27/2/1988, sau ba ngày đêm vượt sóng, HQ-07 cập vùng biển đảo T3 - gồm Tốc Tan, Núi Le và Tiên Nữ. Trước nguy cơ đảo bị chiếm đóng, thuyền trưởng Chúc lập tức lệnh cho xuống máy cơ động vào đảo cắm cờ chủ quyền. Tổ công tác gồm 6 người do Đại tá Hoàng Kim Nông, Bí thư Đảng ủy, Phó Lữ đoàn trưởng về chính trị Lữ đoàn 146 trực tiếp chỉ huy đã cắm lá cờ đỏ sao vàng lên bãi san hô Tốc Tan. Khi ấy đảo vẫn chỉ là bãi chìm, thủy triều lên là nước ngập, rút xuống mới thấy mặt cát. “Cờ Tổ quốc tung bay, tàu nước ngoài thấy vậy thì rút dần, không còn lảng vảng nữa”, ông Chúc kể.

Đêm ấy, giữa biển khơi mênh mông, cán bộ, chiến sĩ HQ-07 làm lễ phát động thi đua “Tất cả vì Trường Sa thân yêu”. Bài ca “Hát mãi khúc quân hành” vang dậy giữa sóng gió, như lời thể son sắt: “Dù hy sinh, cũng giữ tàu, bám đảo đến cùng”.

Sau khi giữ vững Tốc Tan, ông Chúc bàn giao cho bộ đội công binh Hải quân rồi tiếp tục hành trình đến Tiên Nữ và Núi Le, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đồng đội thường trêu mếu gọi ông Nguyễn Viết Chúc là “trang sử sống” của Trường Sa. Ở tuổi thất tuần, tóc đã bạc nhưng ông vẫn nhớ rành rẽ từng ngày, từng giờ của những chuyến hải trình. Sau chiến dịch giữ đảo, ông đích thân khảo sát địa hình, đo độ dài rộng, chất liệu san hô và vẽ sơ đồ tỉ mỉ làm tư liệu cho Cục Chính trị Hải quân biên soạn lịch sử Trường Sa.

Sau khi rời quân ngũ, ông Chúc trở về phố biển Vũng Tàu, chọn cuộc sống bình dị bên vợ con. Không khoe khoang chiến công, ông sống như một “lão tiểu phu” lặng lẽ. Mỗi khi nhắc đến đồng đội đã nằm lại giữa đại dương, giọng ông trầm xuống: “Chúng tôi chỉ mong đất nước bình yên, biển đảo mãi vững vàng, thế hệ trẻ hôm nay hiểu được giá trị của hòa bình”.

Trong căn nhà nhỏ, lá cờ Tổ quốc từng tung bay ở đảo Tốc Tan vẫn được ông giữ gìn như báu vật. Với ông, đó không chỉ là ký ức mà là linh hồn của những “loa thành” trên biển.

Những đảo chìm năm xưa nay đã thành đảo nổi kiên cố, nhà kiên cố sừng sững, cây xanh rợp bóng. Giữa bao đổi thay, những người lính năm ấy dù tóc đã bạc vẫn là biểu tượng của một thế hệ “lấy thân mình làm cột mốc chủ quyền”.



Ông Trương Thọ trao cho Thượng tá Trần Thị Anh Thư, Giám đốc Bảo tàng Quân khu 5 chiếc ăng gô đựng cơm nuôi bộ đội, du kích.

Ảnh: Bảo tàng Quân khu 5 cung cấp

Cối giã gạo bằng đá và ăng gô nuôi quân

ĐỖ THỊ NGỌC DIỆP

Tham quan Bảo tàng Quân khu 5, nhiều đoàn khách đã dừng lại rất lâu, bồi hồi xúc động trước một hiện vật giản dị của một thời “vào sinh ra tử”: Cối giã gạo bằng đá và chiếc ăng gô đã bạc màu thời gian.

Thượng tá Trần Thị Anh Thư, Giám đốc Bảo tàng Quân khu 5, người trực tiếp đi sưu tầm hiện vật, hào hứng giới thiệu: “Hai kỷ vật thân thương này đã gắn bó, đồng hành cùng vợ chồng ông Trương Thọ và bà Hồ Thị Nhiều đi qua những năm tháng khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Chúng không chỉ là vật dụng sinh hoạt bình thường mà đã trở thành chứng nhân lịch sử, kể lại câu chuyện về một “mái nhà nuôi quân”, về sự hy sinh lặng thầm của một gia đình bình dị đã bền bỉ cống hiến và hết lòng phục vụ cho cách mạng”.

Ông Trương Thọ (SN 1937) và bà Hồ Thị Nhiều (SN 1942), quê ở xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (cũ), nay là xã Xuân Phú, TP. Đà Nẵng, trong kháng chiến chống Mỹ làm công tác binh vận, vận chuyển, cất giấu, tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men, vũ khí



Chúng không chỉ là vật dụng sinh hoạt bình thường mà đã trở thành chứng nhân lịch sử, kể lại câu chuyện về một “mái nhà nuôi quân”, về sự hy sinh lặng thầm của một gia đình bình dị đã bền bỉ cống hiến và hết lòng phục vụ cho cách mạng”.

**THƯỢNG TÁ
TRẦN THỊ ANH THƯ**

trang bị phục vụ cho cách mạng tại địa phương.

Thời ấy, ông bà ban ngày thì ra đồng làm việc, đêm đến thì sử dụng chiếc cối được đeo bằng đá để giã lúa thành gạo, nổi lửa nấu cơm rồi giấu kín trong ăng gô, tìm cách chuyển cho du kích, bộ đội đang trú ẩn trong những hầm bí mật quanh vùng. Ông Thọ kể, có những đêm, ông (hoặc bà) vừa ôm ăng gô cơm ra khỏi nhà đã nghe tiếng chó sủa râm ran, tiếng giày đinh lộp cộp của lính nguy; mồ hôi lạnh sống lưng nhưng vẫn cố gắng dựa theo bóng tre, men theo bờ rào, quyết giữ cho bằng được phần cơm đưa đến tay chiến sĩ. Để bảo đảm nguồn lương thực nuôi quân, vợ chồng ông phải luôn dành dụm, không dám ăn no. Khi thấy anh em bộ đội, du kích được tiếp tế kịp thời, ăn ngon miệng, có sức khỏe để chiến đấu với quân thù thì vui lắm.

Năm 1968, địch càn quét, nghi ngờ gia đình đang nuôi giấu bộ đội, chúng bắt cả hai vợ chồng ông giam ở Nhà lao Hội An. Dù bị tra khảo bằng mọi hình thức hết sức dã man, ông bà vẫn một lòng kiên trung, quyết không khai báo, giữ trọn lời thề với cách mạng. Không khai thác được thông tin gì, đến năm 1969, chúng đành trả tự do cho ông bà. Ra tù, ông Thọ, bà Nhiều lại tiếp tục công việc nuôi giấu, tiếp tế, làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, ông

Trương Thọ năm nay đã 88 tuổi, tóc bạc phơ, mắt mờ dần theo năm tháng. Bà Nhiều đã ra đi mãi mãi sau một cơn tai biến năm 2021, để lại trong lòng người thân và đồng đội bao nỗi tiếc thương. Mỗi lần ngắm nhìn chiếc cối đá, chiếc ăng gô, ông Thọ lại nhớ đến dáng người vợ tảo tần canh bếp lửa, nhớ những bước chân lặng lẽ, kiên trung của bà trong những ngày tháng hiểm nguy thời chiến tranh.

Tháng 8/2025, trong chuyến đi sưu tầm hiện vật, Thượng tá Trần Thị Anh Thư đã ghé thăm gia đình và bày tỏ mong muốn đưa hai kỷ vật về trưng bày, giới thiệu. Ông Trương Thọ đồng ý hiến tặng và bảo: “Cất giữ trong nhà chỉ là của riêng mình, còn trao cho Bảo tàng sẽ lưu truyền cho mai sau, để lớp trẻ biết và trân trọng thì giá trị sẽ lớn hơn nhiều”.

Được biết, từ tháng 5/2025, Ban

Giám đốc Bảo tàng Quân khu 5 đã tham mưu, đề xuất Bộ Tư lệnh Quân khu 5 ban hành Thư ngỏ về việc hiến tặng kỷ vật liên quan đến lịch sử Khu 5, và nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp nhân dân. “Cán bộ, chiến sĩ chúng tôi biết ơn sâu sắc những tấm lòng đã tin tưởng gửi gắm hiện vật quý giá cho Bảo tàng, để những kỷ vật đó tiếp tục được gìn giữ, bảo quản, trưng bày và giới thiệu đến công chúng một cách khoa học, trang trọng và đúng giá trị, để những câu chuyện xúc động về những chiến công, cống hiến của một thế hệ anh hùng trên mảnh đất Khu 5 kiên trung sẽ sống mãi, hun đúc tinh thần trách nhiệm, lan tỏa những giá trị lịch sử quý giá, giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau” - Thượng tá Trần Thị Anh Thư khẳng định.



Chiếc cối đá gia đình ông Thọ dùng để giã gạo nuôi quân. Ảnh: Bảo tàng Quân khu 5



Những ngôi nhà của người dân vùng lũ dần được hình thành, các anh bộ đội nỗ lực làm xuyên đêm để kịp hoàn công đón Tết cổ truyền. Ảnh: M. Linh

BỘ ĐỘI CỤ HỒ

Ngọn lửa hồng trong bão lũ

✍️ **THẢO MINH LINH**

Tháng 12 về, mang theo cái lạnh se sắt của những đợt gió mùa cuối năm, cũng là thời điểm để mỗi chúng ta khẽ đặt tay lên ngực mình, như một lời tự nhắc và biết ơn: những người lính luôn lặng lẽ cống hiến, hy sinh vì bình yên của Tổ quốc, vì cuộc sống của nhân dân.

Lịch sử dân tộc ghi tên các anh bằng máu xương, bằng những dấu chân không mỏi trên đường ra trận. Trong hòa bình, hình ảnh người lính lại lấp lánh theo một cách khác: gần gũi mà can trường không kém.

1 Trở lại những vùng đất phía Đông Đắk Lắk vừa qua cơn đại hồng thủy, bùn đất hãy còn dày bên vệ đường, những tường gạch còn loang dấu nước.

Người dân các xã Đồng Xuân, Tuy An Bắc, Tuy An Đông, Ô Loan, Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Hòa, Đông Hòa, Hòa Xuân, Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Sơn Hòa... đều giống nhau một câu cảm thán, biết ơn: “Đợt lũ vừa qua, nếu không có các anh bộ đội, dân làng mình mất mát nhiều hơn, đau khổ nhiều hơn nữa!”.

Lũ về bất ngờ như một cú quật bất ngờ. Đêm tối, gió rít, điện tắt. Tiếng cầu cứu chìm trong nước lũ. Giữa hỗn độn ấy là ánh đèn pin loang loáng, tiếng hô đồng dục của những người lính xông vào tâm lũ:

“Bám lấy tôi! Không được buông tay!”.

Từng tốp bộ đội trong dòng nước xiết, dây thừng vắt ngang ngực, người công người, tay nắm tay, đưa dân lên chỗ cao. Có người lính bị nước va quật rớt máu, vậy mà chỉ kịp lau vội rồi lao đi tiếp. Gió hun hút, ngâm mình trong nước lạnh cắt da, bộ đội vẫn công người già, em bé chạy lũ. Đêm ấy, hàng trăm chiến sĩ không ngủ, xuyên đêm, cắt lũ cứu dân.

Sau lũ, còn đó những ngôi trường sập tường, tốc mái, ngổn ngang gạch đá.

Đắk Lắk

Nguyệt san

Số 06 - bộ mới; 314 (số cũ) - Tháng 12/2025

9

Sau lũ, đường sá ngổn ngang rác rưởi, cây cối, bùn non khô sánh.

Sau lũ, đồng ruộng, kênh mương đầy những xác gia súc, gia cầm hôi thối.

Sau lũ, nhà cửa đổ nát, xiêu vẹo, ngổn ngang...

Từng đoàn xe chở bộ đội tảo về vùng lũ để giúp dân dọn dẹp nhà cửa, đường sá, trường học, trạm y tế, chợ... Các anh bộ đội đảm nhận những công việc nặng nhọc, khó khăn ấy. Trên người thấm đẫm mồ hôi, nhưng không ai than vãn vì sự mệt nhọc, bởi họ biết điều đó có sá gì so với sự mất mát của người dân trong cơn lũ dữ.

2 Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đến tận nơi rốn lũ, chứng kiến cảnh tượng tan hoang bởi sức tàn phá của lũ, chia sẻ từng hoàn cảnh người dân mất đi người thân, mất hết tài sản, cả căn nhà cũng bị nước lũ cuốn trôi. Chính phủ quyết định phát động "Chiến dịch Quang Trung" - một chiến dịch thần tốc sửa chữa, xây dựng nhà cho người dân vùng bão lũ.

Những cụ già mắt đỏ hoe vì xúc động, nghĩ đến mình sẽ có ngôi nhà để đón Tết như một phép màu!

Lực lượng quan trọng để thực thi chiến dịch thần tốc ấy, không ai khác chính là bộ đội.

Những người lính không trở về doanh trại sau khi hoàn thành nhiệm vụ cứu hộ. Họ tiếp tục ở lại, cùng lực lượng tăng cường để thực hiện nhiệm vụ mới: Xây nhà cho dân vùng lũ kịp đón Tết cổ truyền dân tộc!

Với người dân, đó là mái nhà ấm áp.

Với bộ đội, đó là mệnh lệnh từ trái tim.

Các anh luôn tâm huyết với chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Minh Chính: Đây là chiến dịch không có tiếng súng, mà chúng ta phải chiến thắng giông gió để mang lại niềm vui, hạnh phúc cho nhân dân. Đây là mệnh lệnh từ trái tim chứ không đơn thuần là làm tròn trách nhiệm!

Đại tá Trần Văn Mười, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên, năm nay đã ở tuổi ngoài 80, nói: "Thế hệ chúng tôi chiến đấu, hy sinh bảo vệ đất nước. Thời bình, bộ đội vẫn ngày đêm canh giữ biển trời, biên cương, giữ gìn cuộc sống bình yên và bảo vệ cuộc sống của nhân dân. Cùng một mạch chảy, không khác".

Đúng như vậy. Hình ảnh anh Bộ đội Cụ Hồ ngày hôm nay vẫn mang đầy đủ vẻ đẹp đã thành truyền thống: giản dị - kiên cường - tận tụy - quả cảm - vì nhân dân phục vụ.

Nơi nào khó, có bộ đội. Ở đâu bão tố, lũ lụt, thiên tai, ở đó màu áo lính xuất hiện đầu tiên và rời đi cuối cùng. Họ không để lại gì ngoài dấu chân trong bùn và sự yên tâm, yêu mến trong lòng dân.

Tất cả làm nên một hình tượng đẹp: Bộ đội Cụ Hồ! Người lính của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân phục vụ. Những người lính mang trong mình sức mạnh của Tổ quốc và trái tim của nhân dân.



Dấu chân NGƯỜI

 QUỲNH ANH

Dù giữa dòng lũ xiết, bùn lầy hay trong khoảnh khắc cận kề sinh tử, người lính Cụ Hồ vẫn luôn kịp thời xuất hiện để thắp lên niềm hy vọng và là điểm tựa trong những thời khắc gian nguy...

Dấu chân người lính luôn xuất hiện trong hoàn cảnh khốc liệt hay hiểm nguy nhất. Trận mưa lũ lịch sử tháng 11 vừa qua đã khiến hàng trăm nghìn ngôi nhà trên địa bàn tỉnh chìm trong biển nước, đe dọa sinh mạng và tài sản của người dân. Mệnh lệnh hành động được phát ra ngay lập tức, lực lượng vũ trang tỉnh đã phát huy tổng lực, hiệp đồng với các lực lượng khác, huy động gần 15.000 người cùng hàng loạt phương tiện chuyên dụng để đối phó với thiên tai.

Xã Hòa Thịnh, một trong những địa bàn bị thiệt hại nặng nề nhất, đã chứng kiến những bước chân đầu tiên của bộ đội khi nước lũ còn chưa kịp rút. Tiểu đoàn Bộ binh 85 (Trung đoàn Bộ binh 888) trở thành một trong những mũi tiên phong tiếp cận bà con vùng rốn lũ. Các chiến sĩ dầm mình trong dòng nước đục ngầu, rét buốt, kiểm tra từng điểm tránh trú an toàn; tham gia hỗ trợ



Chiến sĩ Đại đội Bộ binh 2 giúp nhân dân di dời tài sản ra khỏi vùng ngập trong đợt lũ vừa qua. Ảnh: Q. Anh

LÍNH...

người dân, tài sản ra khỏi vùng ngập; cung ứng lương thực, nước uống đến từng nhà; đồng thời động viên, trấn an người dân rằng họ không bao giờ đơn độc giữa nguy khó.

Hình ảnh người lính bế, công người già rét cóng, người ốm yếu qua dòng nước lạnh; dầm mưa dọn bùn non sau lũ... đã khắc sâu vào ký ức người dân Hòa Thịnh. Đáp lại sự hy sinh vô điều kiện ấy, bà con chân thành sẽ chia nước uống, lương khô cho những người lính, dù chính họ cũng đang tiếp nhận hỗ trợ.

Không chỉ ở địa bàn phía Đông, dấu chân người lính còn in hằn trên địa bàn phía Tây của tỉnh, nơi các xã vùng biên Ea Bung, Ea Súp, Ea Rốk, Ia Lốp, Ia R'vê... với khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, bão lụt gần như xảy ra hàng năm. Đầu tháng 11 vừa qua, khi bão số 13 gây mưa

lớn, nước lũ lại dâng cao tại các xã vùng biên. Ban Chỉ huy Phòng thủ Khu vực 3 - Ea Súp triển khai cấp tốc cho hàng trăm cán bộ, chiến sĩ cùng ca nô, xuồng máy, ô tô và các phương tiện cơ giới có mặt nơi xung yếu. Thượng úy Tô Hữu Sỹ, Chính trị viên Đại đội Bộ binh 2 kể lại một khoảnh khắc in sâu trong ký ức: “Nước lũ dâng nhanh, có nơi cao ngang ngực, đục ngầu và sâu hoắm. Ở nhiều điểm dòng chảy xiết nguy hiểm, bộ đội phải dàn hàng ngang, đan chặt tay vào nhau để vượt qua con nước hung hãn. Dầm mình trong nước lũ cả ngày, chúng tôi chỉ mong muốn duy nhất là giảm thiểu tối đa thiệt hại cho bà con, mong nhân dân sớm ổn định cuộc sống”.

Bão lũ đi qua, để lại những lớp bùn dày, rác thải và cảnh đổ nát hoang tàn. Những người lính lại chuyển từ nhiệm vụ cứu hộ sang giúp dân dọn dẹp, khắc phục hậu quả. Theo thống kê sơ bộ, chỉ hơn 10 ngày (từ 18 đến 30/11/2025) lực lượng vũ trang tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Quân khu, Bộ Quốc phòng tổ chức giúp dân khắc phục thiệt hại: dọn dẹp 207 trường học để học sinh sớm trở lại lớp; dọn dẹp, vệ sinh 42 trạm y tế, 281 nhà văn hóa, 38 trụ sở làm việc của chính quyền địa phương,

khôi phục sinh hoạt cộng đồng; khai thông hơn 50 km đường giao thông, vệ sinh 600 km đường làng ngõ xóm.

Và đặc biệt, lực lượng vũ trang đã giúp 3.500 hộ dân dọn dẹp nhà cửa, vệ sinh khu dân cư, ổn định cuộc sống sau lũ... Những ngày này, bộ đội tiếp tục là lực lượng chủ lực thực hiện “Chiến dịch Quang Trung” thần tốc dựng lại nhà cho các gia đình bị sập nhà do bão lũ, chạy đua với thời gian để bà con kịp có nhà mới đón Tết.

Đại tá Đinh Văn Hưng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã nhiều lần khẳng định: “Bộ đội chỉ rút quân khi bà con đã có nơi ở ổn định. Tinh thần của người lính là sẵn sàng có mặt ở mọi nơi nguy khó mà dân cần, vì mục tiêu cuối cùng là giúp nhân dân ổn định cuộc sống, xây dựng quê hương tươi đẹp, hạnh phúc”.

Dấu chân người lính xông pha biển lũ, in hằn trên bùn lầy không chỉ là minh chứng cho sự lao động cật lực, mà còn là dấu chân của niềm tin mà người dân gửi gắm. Đó là minh chứng cho tình đoàn kết quân dân keo sơn, là biểu tượng vững chãi cho hình ảnh Bộ đội Cụ Hồ luôn kiên cường, vì nhân dân trong mọi điều kiện, hoàn cảnh.



Trung đoàn 888 giúp nhân dân phường Hòa Hiệp xây dựng nhà ở sau lũ lụt. Ảnh: Tiến Lương



Tuổi trẻ TP Hải Phòng thăm, tặng quà cho bà con vùng lũ phía Đông Đắk Lắk.

Những **ÂN TÌNH** trong **LŨ DỮ**

HÀ MY

Những ngày mưa lũ lịch sử tràn qua khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk, giữa lằn ranh mong manh của thiên tai, khi con người đối diện với thử thách khắc nghiệt nhất của thiên nhiên, tình đồng chí, nghĩa đồng bào lại bùng sáng, lan tỏa yêu thương, tiếp thêm niềm tin và nghị lực để người dân vùng lũ đứng dậy.

NGHĨA TÌNH TỪ KHẮP MỌI MIỀN

Khi nước lũ vừa rút, người dân nhiều xã, phường phía Đông Đắk Lắk vẫn chưa hết bàng hoàng. Nhà

cửa ngập bùn, đồ đạc hư hỏng, phương tiện đi lại tê liệt, cuộc sống bị đảo lộn hoàn toàn. Trong hoàn cảnh ấy, những chuyến xe nghĩa tình từ khắp mọi miền đất nước đã lặng lẽ tìm về, mang theo không chỉ vật chất cứu trợ mà còn là hơi ấm của tình người.

Đầu tháng 12, mười bốn kỹ thuật viên của Hội Điện lạnh Quảng Trị vượt hơn 700 km, đưa chuyến xe chở đầy linh kiện, dụng cụ sửa chữa đến phường Tuy Hòa - một trong những địa bàn chịu thiệt hại nặng nề nhất. Họ không đến với danh nghĩa một đoàn cứu trợ, mà như những người thân ruột thịt trở về sau hoạn

nạn. Trên những con đường còn loang lổ bùn non, các anh chia nhau đến từng khu dân cư, hướng dẫn bà con mang những thiết bị gia dụng bị ngập nước đến điểm tập trung để sửa chữa.

Tùng chiếc tủ lạnh, máy giặt, máy quạt, máy lọc nước được tháo rời, vệ sinh, sấy khô, thay linh kiện cháy hỏng. Tất cả đều hoàn toàn miễn phí. Suốt 5 ngày liên tục, từ sáng sớm đến tối muộn, các kỹ thuật viên làm việc không ngơi tay đã giúp “hồi sinh” hơn 1.000 thiết bị.

Vất vả là vậy, nhưng những ly nước chè nóng, những bữa cơm ăn vội trong mưa, cùng ánh mắt và lời cảm ơn chân thành của bà con vùng lũ đã trở thành nguồn động viên lớn lao, giúp các anh quên đi mệt nhọc.

Ở phường Đông Hòa, sau lũ, hàng trăm chiếc xe máy ngập bùn nằm im bất động, khiến việc đi lại của người dân vô cùng khó khăn.



Trong hoạn nạn, nghĩa đồng bào càng thêm sâu nặng, tinh thần đại đoàn kết càng được thắp sáng, trở thành điểm tựa thiêng liêng để Đắk Lắk đứng dậy sau bão lũ, hồi sinh cuộc sống và vững bước đi lên. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Đắk Lắk luôn biết ơn sâu sắc đối với các cấp lãnh đạo, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã hướng về Đắk Lắk trong lúc khó khăn nhất bằng những hành động nhân ái, dũng cảm, nghĩa tình và đầy trách nhiệm".

Đồng chí Lương Nguyễn Minh Triết, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy

Giữa cảnh ngổn ngang ấy, sự xuất hiện của các thợ sửa xe tình nguyện từ Trung tâm Dạy nghề xe máy công nghệ cao Motorcycles TV, Hội Thiết bị động lực TP. Hồ Chí Minh và Câu lạc bộ Doanh nghiệp ô tô như một điểm sáng ấm áp. Trong 5 ngày, hơn 1.000 xe máy được sửa xong, giúp người dân có phương tiện đi lại, từng bước khôi phục sinh hoạt thường ngày.

Cũng trong những ngày ấy, gần 20 thợ điện lạnh từ TP. Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh, thành khác đã có mặt tại các vùng rốn lũ Đắk Lắk. Không quản đường xa, họ mang theo dụng cụ, linh kiện, tận tay sửa chữa từng thiết bị hư hỏng cho người dân.

SÂU NẶNG NGHĨA ĐỒNG BÀO

Song song với đó, hơn 100 y, bác sĩ từ các bệnh viện ở TP. Hồ Chí Minh đã đến Đắk Lắk khám, chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho người dân sau lũ. Hơn 300 tình nguyện viên, đoàn viên, y bác sĩ từ Đồng Nai cũng chung tay dọn bùn, sửa điện, hỗ trợ nhu yếu phẩm. Lực lượng Quân khu 5, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tăng cường hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ giúp dân "dọn lũ", xuyên đêm xây nhà, khắc phục hậu quả thiên tai.

Hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cùng hàng trăm tỷ đồng từ Trung ương, các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp, nhà hảo tâm và nhân dân cả nước đã kịp thời đến với Đắk Lắk.

Điều đặc biệt cảm động là khi

chính mình vừa trải qua lũ dữ, người dân Đắk Lắk vẫn hướng lòng về đồng bào các tỉnh bạn. Nghe tin Lâm Đồng tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi mưa lũ, những chuyến xe "0 đồng" lại nối nhau lăn bánh, chở theo gạo, mì gói, nước uống, chăn màn và cả những lời nhắn gửi nghĩa tình.

Anh Phạm Ngọc Vũ (xã Đồng Xuân) kể, chỉ trong 2 ngày, bà con nơi đây đã quyên góp được 50 tấn quà để trực tiếp mang đến trao tận tay người dân vùng lũ Lâm Đồng.

Hình ảnh khiến anh xúc động nhất là cụ ông ngoài 70 tuổi, đôi tay run run bung ra 3 thùng mì gói gửi theo đoàn xe. "Ông nói, hôm trước nhận được 5 thùng từ Bình Thuận, nay xin gửi lại 3 thùng, mong bà con trong đó sớm bình an," anh Vũ nhớ lại.

Giữa mưa lũ khắc nghiệt, sự sẻ chia không chỉ là vật chất, mà còn là tình người sâu nặng, là sự thấu hiểu của những con người từng đi qua hoạn nạn, sẵn sàng san sẻ để đồng bào mình bớt nhọc nhằn.



Người dân phường Buôn Ma Thuật gói bánh chưng gửi về hỗ trợ đồng bào vùng lũ. Ảnh: CTV

Trong những ngày mưa lũ dữ dội, người dân vùng lũ Đắc Lắc đã được tiếp sức bởi những chuyến xe nghĩa tình. Những chuyến xe không chỉ chở hàng cứu trợ mà còn chở theo niềm tin, hy vọng, tinh thần tương thân tương ái và nghĩa đồng bào.

BÁNH XE LĂN CÙNG NHỊP ĐẬP TRÁI TIM

Trong chuyến xe chở theo gạo, nhu yếu phẩm, quần áo, chăn màn... của cán bộ và nhân dân phường Buôn Hồ hướng về phía Đông tỉnh, có một phần quà rất đặc biệt và ý nghĩa của 12 gia đình học sinh dân tộc thiểu số Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành (phường Buôn Hồ). Điều khiến ai cũng trân trọng

và xúc động hơn cả là các gia đình này cũng có hoàn cảnh khó khăn, có con em đang được nhận chính sách hỗ trợ của Chính phủ song với tinh thần tương thân tương ái, họ đã trích phần hỗ trợ của con em mình trong 4 tháng (15 kg gạo/tháng/em) để san sẻ với đồng bào đang gặp nạn. Vì thế, đó không chỉ là 720 kg gạo mà còn là tình cảm yêu thương, là bài học về lòng nhân ái và nghị lực, là hành động truyền cảm hứng mạnh mẽ nhất.

Hay như chị Đỗ Thị Hòa (thủ đô Hà Nội) cùng nhóm bạn của mình đã vượt quãng đường dài mang theo chăn, chiếu và các vật dụng cần thiết trao tận tay bà con xã Hòa Thịnh. Chị Hòa xúc động: “Nhìn cảnh mất mát của bà con qua các kênh thông tin mà lòng chúng tôi xót xa vô cùng.

Tính đến ngày 5/12, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã tiếp nhận trên 257,5 tỷ đồng và 2.605 tấn hàng hóa, 18.050 suất quà với trị giá 65,2 tỷ đồng ủng hộ nhân dân trên địa bàn tỉnh khắc phục hậu quả thiên tai.

Ai cũng có công việc riêng, nhưng đều gác lại tất cả để mang đến cho bà con một chút tấm lòng. Chúng tôi ai có gì góp nấy, mỗi người dành ra một tháng lương để làm kinh phí cho chuyến đi. Ngoài vật dụng thiết yếu, chúng tôi cũng hỗ trợ thêm một ít tiền, mong bà con có thêm điều kiện để tái thiết cuộc sống”.

Những lời nói mộc mạc ấy như thay cho tấm lòng của hàng trăm con người đã không ngại đường xa,

Những CHUYẾN XE *nghĩa tình*

HỒ NHƯ - THÚY HỒNG



Những chuyến xe nghĩa tình chở hàng hỗ trợ đồng bào. Ảnh: Lê Hào



Vận chuyển nước uống từ một chuyến xe nghĩa tình đến Bệnh viện Đa khoa Phú Yên. Ảnh: H. Như



Các đơn vị tham gia vận chuyển hàng cứu trợ tại phường Sông Cầu. Ảnh: Lê Hào

mưa gió, chỉ mong đến kịp lúc đồng bào cần nhất. Có những chuyến xe đến nơi khi trời đã tối, đường trơn trượt nhưng không ai chùn bước. Bởi hơn ai hết, họ hiểu rằng mỗi giờ chậm trễ là đồng bào vùng lũ phải chịu cảnh thiếu thốn lâu hơn. Chính từ những điều bình dị ấy, tinh thần “lá lành đùm lá rách” được thắp lên rõ nét, bền bỉ và sâu sắc. Với người dân vùng lũ, sự hiện diện của những chuyến xe nghĩa tình không chỉ là

cứu trợ, mà là niềm an ủi lớn lao, là cảm giác được chở che, được san sẻ trong hoạn nạn.

Không chỉ lương thực, vật dụng sinh hoạt, nhiều chuyến xe còn chở theo con giống như gà, vịt, bò và cả lúa giống, hạt rau, phân bón... mang theo hy vọng về một ngày mai no ấm hơn. Ông Nguyễn Văn Tín, người dân phường Tuy Hòa bộc bạch: “Chúng tôi vui lắm. Không ngờ sau lũ lại được hỗ trợ lúa giống. Với gia

đình tôi, đây là niềm tin để bắt đầu lại, để gây dựng cuộc sống mới”.

KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU

Để tổ chức được các chuyến xe nghĩa tình chính là nhờ sự chung tay của cả cộng đồng. Đó là doanh nghiệp sẵn sàng trích kinh phí hỗ trợ; là các tổ chức, đoàn thể vận động từng suất quà; là người dân góp từng bao gạo, thùng mì; là những tài xế không ngại đường xa, hiểm trở, tình nguyện cầm lái đưa hàng đến vùng lũ.

Không chỉ cứu trợ khẩn cấp mà khi nước rút, nhiều đoàn tiếp tục ở lại hỗ trợ vệ sinh môi trường, sửa chữa nhà cửa, trường học, khôi phục sinh kế cho người dân. Từng bao xi măng, từng dụng cụ lao động, từng phần hỗ trợ giống cây trồng... được đưa đến với mong muốn giúp người dân sớm ổn định cuộc sống. Sự đồng hành ấy cho thấy cứu trợ không chỉ là “cho đi”, mà còn là đồng hành cùng bà con đi tiếp chặng đường sau thiên tai.

Để những chuyến xe đến đúng nơi, đúng lúc, chính quyền địa phương đã hết sức mình phối hợp. Ngay khi nước rút, UBND xã Hòa Xuân phối hợp với các đoàn thể rà soát thiệt hại, lập danh sách các hộ dân bị ảnh hưởng nặng, đồng thời bố trí lực lượng tiếp nhận, hướng dẫn và phân phối hàng cứu trợ một cách kịp thời, minh bạch. Nhờ đó, mỗi chuyến xe đến đều được kết nối nhanh chóng với người dân cần giúp đỡ, tránh chồng chéo, thiếu sót. Chủ tịch UBND xã Hòa Xuân Hoàng Anh Tuấn cảm động cho biết: “Sự hỗ trợ của các đoàn thiện nguyện không chỉ giúp người dân vượt qua giai đoạn khó khăn trước mắt, mà còn là nguồn động viên tinh thần rất lớn trong quá trình khắc phục hậu quả sau lũ. Xã sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cấp, ngành và các đoàn hỗ trợ để ưu tiên những nhu cầu thiết thực, lâu dài như con giống, vật tư sản xuất, hỗ trợ sửa chữa nhà cửa, giúp người dân sớm ổn định cuộc sống”.



ĐIỂM TỰA

Người dân xã Ô Loan được mua nồi cơm điện với giá 0 đồng tại "Phiên chợ 0 đồng". Ảnh: T. Thảo

vượt qua thiên tai

THÙY THẢO

Đợt mưa lũ lịch sử vừa qua gây thiệt hại nặng nề trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh sự vào cuộc của các cấp chính quyền, tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng đã trở thành nguồn lực quan trọng, tiếp sức cho người dân vùng bị ảnh hưởng từng bước vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

LAN TỎA TINH THẦN SẴN CHIA

Khi nước lũ chưa kịp rút, nhiều chuyến xe nghĩa tình trên khắp mọi miền đất nước đã kịp thời hướng về vùng bị ảnh hưởng, mang theo lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men, tiền mặt và vật tư sửa chữa nhà cửa. Những hỗ trợ thiết thực ấy không chỉ giúp người dân vượt qua khó khăn trước mắt mà còn là nguồn động viên tinh thần quan trọng sau thiên tai.

Chia sẻ về hành trình đồng hành cùng người dân vùng lũ, bà Nguyễn Ngọc Minh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Long Minh (tỉnh Bắc Ninh), cho biết đơn vị đã vượt hơn 1.000 km đến với người dân vùng lũ phía Đông tỉnh Đắk Lắk với mong

muốn sẻ chia nghĩa đồng bào. “Thiên tai có thể cuốn trôi tài sản nhưng không thể cuốn đi tình người. Những phần quà tuy không lớn nhưng đến đúng lúc sẽ giúp bà con có thêm động lực để vượt qua mất mát”, bà Minh chia sẻ.

Cùng với hoạt động cứu trợ khẩn cấp, nhiều chương trình hỗ trợ mang tính nhân văn tiếp tục được triển khai. Trong đó, chương trình “Phiên chợ 0 đồng” tại xã Ô Loan do các đơn vị, doanh nghiệp phối hợp tổ chức là điểm nhấn ý nghĩa. Tại đây, người dân được trực tiếp lựa chọn lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, quần áo, đồ dùng sinh hoạt thiết yếu hoàn toàn miễn phí, phù hợp với nhu cầu thực tế của từng gia đình.

Theo ông Doãn Thế Dương, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên, việc tổ chức “Phiên chợ 0 đồng” không chỉ giúp người dân có thêm điều kiện trang trải cuộc sống sau mưa lũ, mà còn lan tỏa tinh thần sẻ chia, kết nối các tổ chức, cá nhân trong hoạt động hỗ trợ cộng đồng. Cách làm này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội, đồng thời thể hiện sự tôn trọng người thụ hưởng.

Không chỉ dừng lại ở hỗ trợ trước mắt, các nguồn lực tương thân tương

ái còn được định hướng theo hướng lâu dài thông qua các hoạt động hỗ trợ sinh kế như trao bò giống sinh sản, gà, vịt giống và hạt giống cho các hộ dân bị thiệt hại nặng. Theo đại diện Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2-9 Đắk Lắk, việc hỗ trợ sinh kế nhằm giúp người dân “có cần câu” để tự vươn lên, từng bước khôi phục sản xuất, ổn định đời sống sau thiên tai.

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT

Ở các địa phương thụ hưởng, sự chung tay của cộng đồng đã mang lại hiệu quả rõ nét cả về vật chất lẫn tinh thần. Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Hòa Thịnh Phương Văn Lành cho biết: “Sau lũ, nhiều hộ dân gần như trắng tay. Sự hỗ trợ kịp thời của các tổ chức, cá nhân đã giúp người dân sớm vực dậy”.

Còn theo ông Đặng Trần Trung Đông, Phó Chủ tịch UBND xã Phú Hòa 2, nguồn lực từ tinh thần tương thân tương ái không chỉ hỗ trợ về vật chất, mà còn là điểm tựa tinh thần quan trọng, góp phần gắn kết sức mạnh cộng đồng trong và ngoài tỉnh.

Với vai trò là trung tâm tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk đã chủ động phối hợp với các cấp, ngành, tổ chức thành viên vận động, tiếp nhận và điều phối hiệu quả các nguồn lực xã hội. Các hoạt động hỗ trợ được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, góp phần giúp người dân vùng bị ảnh hưởng từng bước ổn định đời sống sau thiên tai.

Đồng chí Trần Hữu Thế, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh khẳng định, những nguồn lực được huy động từ tinh thần tương thân tương ái đã thể hiện trách nhiệm, nghĩa tình của cộng đồng xã hội đối với người dân vùng bị thiên tai; là minh chứng sinh động cho sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền và vai trò nòng cốt của MTTQ.

Khi thiên tai ngày càng khốc liệt, bảo vệ môi trường không còn là lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu sống còn để phát triển bền vững.

Dễ thấy mức độ và tần suất của các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng. Mưa lũ, bão lớn, sạt lở đất, hạn hán diễn ra dồn dập, khó lường, gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và kết cấu hạ tầng. Những con số thiệt hại lên tới hàng nghìn, hàng chục nghìn tỷ đồng mỗi năm không chỉ là gánh nặng kinh tế, mà còn là thước đo mức độ dễ tổn thương của xã hội trước biến đổi môi trường.

Theo báo cáo của UBND tỉnh Đắk Lắk, đợt mưa lũ lịch sử vào tháng 11 vừa qua tác động đến nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh, với tổng thiệt hại ước tính khoảng 7.120 tỷ đồng, chưa kể giá trị tài sản trong các hộ gia đình. Trước đó, từ ngày 5 - 7/11, bão số 13 và mưa lũ sau bão cũng đã gây thiệt hại khoảng 2.578 tỷ đồng.

Đặt trong bức tranh chung của cả nước, thiệt hại do thiên tai gây ra cũng vô cùng nghiêm trọng. Từ đầu năm đến nay, thiên tai, lũ lụt trên phạm vi toàn quốc đã gây thiệt hại

về tài sản khoảng 100.000 tỷ đồng, tương đương 0,7 - 0,8% GDP năm 2025. Còn trong giai đoạn 2006 - 2025, trung bình mỗi năm thiên tai gây thiệt hại kinh tế tương đương 1 - 1,5% GDP. Đây là con số đáng báo động, cho thấy thiên tai đã và đang trở thành một trong những thách thức lớn đối với mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững.

Điều đáng chú ý, tính chất dữ dội của thiên tai hiện nay còn là hệ quả từ những hoạt động của con người. Quá trình phát triển thiếu kiểm soát, khai thác tài nguyên vượt ngưỡng, suy giảm rừng tự nhiên, ô nhiễm nguồn nước, bê tông hóa không gian sinh thái đã làm mất dần các cơ chế tự điều tiết vốn có của môi trường. Khi những “lá chắn tự nhiên” bị phá vỡ, thiên tai trở nên khốc liệt hơn, hậu quả để lại nặng nề hơn.

Từ góc độ quản lý và phát triển cho thấy, những tổn thất do thiên tai gây ra đang trực tiếp cản trở tiến trình phát triển bền vững. Nguồn lực đáng lẽ được dành cho đầu tư phát triển phải chuyển sang khắc phục hậu quả, hỗ trợ an sinh xã hội và tái thiết hạ tầng. Vòng xoáy này nếu tiếp diễn sẽ làm suy giảm năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời gia tăng

bất bình đẳng và rủi ro xã hội, nhất là đối với các nhóm dân cư yếu thế.

Trong bối cảnh đó, bảo vệ môi trường cần được xác định là một trong những trụ cột của an ninh quốc gia và phát triển bền vững. Đây không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành tài nguyên và môi trường mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, của chính quyền các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân. Mọi chiến lược, quy hoạch và quyết sách phát triển nếu tách rời yếu tố môi trường đều tiềm ẩn nguy cơ để lại hệ lụy lâu dài.

Nhận thức đúng là điều kiện cần nhưng hành động quyết liệt mới là điều kiện đủ. Bảo vệ môi trường đòi hỏi sự chuyển biến thực chất trong tư duy phát triển, từ mô hình khai thác - tiêu dùng - thải bỏ sang mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu phát thải. Quá trình phát triển không thể tiếp tục đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng, bởi cái giá phải trả sẽ vượt xa những lợi ích trước mắt.

Để bảo vệ môi trường, cùng với vai trò dẫn dắt của Nhà nước, sự tham gia chủ động của cộng đồng và người dân có ý nghĩa quyết định. Lối sống hài hòa với thiên nhiên cần được hình thành từ những hành vi cụ thể, bền bỉ và có trách nhiệm. Khi mỗi cá nhân ý thức rằng việc bảo vệ môi trường gắn liền trực tiếp với an toàn và chất lượng sống của chính mình, sức mạnh xã hội sẽ được khơi dậy một cách bền vững.

Giáo dục môi trường vì vậy cần được coi là nhiệm vụ chiến lược lâu dài. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn về môi trường cho thế hệ trẻ không chỉ góp phần nâng cao nhận thức mà còn tạo nền tảng cho những thay đổi tích cực trong tương lai.

Thiên tai đi qua, để lại không chỉ những mất mát hữu hình mà còn buộc chúng ta soi lại cách ứng xử với thiên nhiên. Bảo vệ môi trường, vì thế, không phải là câu chuyện của riêng hôm nay mà là trách nhiệm đối với ngày mai.

LỜI CẢNH TỈNH từ thiên tai



Mưa lũ gây sạt lở đường, ảnh hưởng đến quá trình lưu thông trên Quốc lộ 25 đoạn qua xã Phú Hòa 1.

Ảnh: L. Hào



**Đội chiêng trẻ phường Tân An biểu diễn
cồng chiêng tại chương trình Chợ phiên
Buôn Ma Thuột. Ảnh: T. Hồng**

Âm vang cồng chiêng

THÚY HỒNG

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số tại Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng, cồng chiêng không đơn thuần là một nhạc cụ. Đây là cầu nối tâm linh giữa con người với các vị thần, là tiếng nói của đất trời, là linh hồn của cộng đồng. Qua bao đời nay, âm thanh ấy vẫn sống động, vang vọng như một dòng suối chảy mãi không ngừng.

Trong các nghi lễ, lễ hội, cồng chiêng đóng vai trò trung tâm, là "sợi dây" gắn kết mọi người với nhau. Tiếng cồng chiêng vang lên, trong ngày hội vui chơi hay lễ cúng lúa mới, lễ mừng nhà rông, đến những nghi thức tang ma, đều mang ý nghĩa thiêng liêng, trang trọng. Để có được những thanh âm vang vọng đó, những nghệ nhân, người đánh

Tiếng cồng chiêng ở Đắk Lắk hôm nay không chỉ là âm thanh của quá khứ, mà còn là nhịp đập của hiện tại và là lời hứa cho tương lai. Đây là minh chứng sống động cho một bản sắc văn hóa được gìn giữ, một di sản được trân trọng, để mãi mãi vang vọng cùng non sông, đất trời.

chiêng phải học hỏi, rèn luyện và trao truyền qua nhiều thế hệ. Họ không chỉ học cách gõ, mà còn học cách cảm nhận, để mỗi tiếng cồng chiêng vang lên đều chứa đựng cảm xúc và câu chuyện.

Không chỉ vang lên trong các lễ hội lớn, tiếng cồng chiêng còn là một phần không thể thiếu, ngân

vang mỗi ngày trong đời sống sinh hoạt, trong các sự kiện và là hơi thở của buôn làng. Mỗi tiếng chiêng đánh lên là một lời cầu nguyện, một lời tự sự, một khúc ca kể về huyền thoại, về cuộc sống lao động, về tình yêu đôi lứa. Đó là sự kết hợp tinh tế giữa âm nhạc, vũ điệu và các nghi lễ, tạo nên một bản hòa ca đầy màu sắc và cảm xúc.

Ở các buôn làng, việc truyền dạy cồng chiêng diễn ra rất tự nhiên. Người già truyền cho người trẻ, cha truyền cho con, anh truyền cho em. Tiếng cồng chiêng không chỉ là di sản văn hóa mà còn là cầu nối giữa các thế hệ, là cách để những giá trị truyền thống được gìn giữ và lan tỏa.

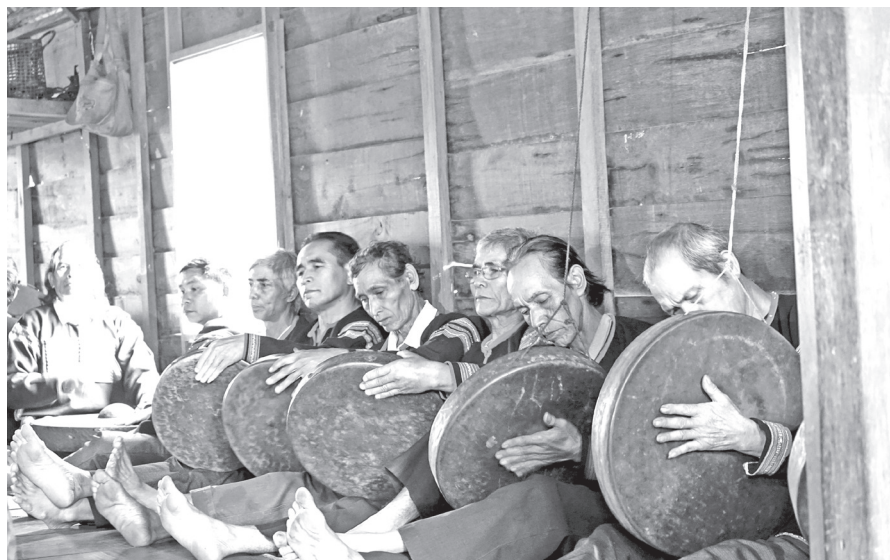
Ông Y Nénh Mlô, một nghệ nhân cồng chiêng đã truyền dạy cách đánh chiêng cho lớp trẻ ở buôn Alia, phường Buôn Hồ chia sẻ: "Tiếng cồng chiêng đã gắn bó với tôi từ khi còn là một đứa trẻ. Cha tôi, ông tôi đã dạy tôi cách đánh, cách cảm nhận từng nốt. Đây không chỉ là âm nhạc, mà còn là linh hồn của buôn làng, là truyền thống của cha ông để lại. Bao năm qua, tôi lại tiếp tục trao truyền cho những thế hệ trẻ trong buôn để tiếng cồng chiêng của đồng bào Êđê

không chỉ là một âm thanh vang vọng trong quá khứ, mà sẽ còn sống mãi với thời gian, tiếp tục kể những câu chuyện về một nền văn hóa giàu bản sắc và đầy sức sống”.

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, văn hóa công chiêng đang đứng trước nhiều thách thức. Lối sống hiện đại, sự mai một của các lễ hội truyền thống, và sự thiếu hụt những người trẻ tâm huyết là những vấn đề nan giải. Tuy nhiên, hiện vẫn có rất nhiều nỗ lực đáng trân trọng. Các lễ hội công chiêng cấp quốc gia và địa phương được tổ chức thường xuyên, các lớp học truyền dạy công chiêng được mở ra tại nhiều buôn làng, đã và đang nhen nhóm lại tình yêu với di sản văn hóa.

Nhiều trường học cũng đã đưa công chiêng vào chương trình ngoại khóa. Các lớp học công chiêng dành cho con em đồng bào dân tộc thiểu số được mở ra đều đặn. Các nghệ nhân lớn tuổi, bằng tất cả tình yêu và tâm huyết, đã truyền dạy cho thế hệ trẻ những bí quyết để tiếng công chiêng mãi vang vọng.

Sinh ra và lớn lên tại mảnh đất buôn Kmrong Prong A (phường Tân An), từ nhỏ anh Y Bâkbuor đã có niềm đam mê với các loại nhạc cụ dân tộc, nhất là thanh trầm bổng của công chiêng. Từ năm lên 10 tuổi, Y



Đội chiêng buôn Tring (phường Buôn Hồ) thực hiện nghi lễ đánh chiêng trong Lễ cúng bến nước của buôn. Ảnh: T. Hồng

Bây đã bắt đầu học theo những nghệ nhân trong buôn diễn tấu rồi tự gõ tay lên sàn nhà. Sau đó, anh được tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng truyền dạy đánh chiêng và dần trở thành nghệ nhân truyền dạy chiêng cho thanh thiếu niên. Dưới sự dìu dắt của anh, ngày càng nhiều em trong và ngoài buôn Kmrong Prong A đánh chiêng thuần thục và tự tin trình diễn những kỹ thuật khó. Hơn thế nữa, anh đã kết nối được nhiều đoàn khách du lịch đến địa phương để trải nghiệm văn hóa của cộng đồng dân tộc Êđê, đến việc đưa đội

chiêng trẻ đi biểu diễn ở các sự kiện, lễ hội trên nhiều tỉnh thành trong nước. “Với tôi, công chiêng không chỉ là văn hóa, mà còn là niềm tự hào”, anh Y Bâk buọc bạch.

Ngày nay, tiếng công chiêng không chỉ giới hạn trong các buôn làng mà đã vượt ra khỏi biên giới, trở thành một phần của văn hóa Việt Nam được giới thiệu rộng rãi với bạn bè quốc tế. Tuy nhiên, dù ở bất cứ đâu, tiếng công chiêng vẫn mang trong mình hơi thở của núi rừng, của những con người Tây Nguyên chân chất, mộc mạc.



Các nghệ nhân và dàn chiêng chuẩn bị thực hiện nghi thức mở màn trong chương trình Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân phường Buôn Hồ. Ảnh: T. Hồng

Bản hòa ca tình người nơi biên giới

 **LÊ THÀNH VĂN**

Không có những tuyên ngôn lớn lao, cũng chẳng có những hình tượng kỳ vĩ, bài thơ “Người đẹp và lính biên phòng” của Vương Trọng đem đến cảm giác gần gũi như một chén rượu ngô bên bếp lửa, như nụ cười e thẹn của cô gái miền sơn cước, như tiếng bước chân lính biên phòng trong màn mưa cuối dốc biên cương. Giữa sự khắc nghiệt nơi tuyến đầu Tổ quốc, vẻ đẹp của con người hiện ra trong trẻo, tự nhiên, nhất là sự giao hòa giữa đôi hồn của người lính biên phòng và sơn nữ.

Bài thơ mở ra bằng hình tượng “người đẹp” - một cách gọi thật thân thương, triu mến qua cảm nhận của người lính vùng biên. Nhưng “người đẹp” trong thơ không phải giai nhân lộng lẫy giữa lầu son gác tía, không phải nàng công chúa ngủ trong tháp ngà, mà là cô gái bản mọc mạc, khỏe khoắn, gắn bó với núi rừng: “*Người đẹp thức với mái sàn chờ đợi/ Lính biên phòng đêm tuần tra biên giới/ Mang gió rừng lên từng bậc cầu thang*”. Chỉ mấy câu thơ giản dị nhưng tác giả đã phác dựng được cả một không gian rất riêng mang vẻ đẹp văn hóa vùng cao: mái sàn ấm lửa, gió rừng hun hút, những bậc cầu thang gỗ vang tiếng chân người lính.

Nhà thơ đặc biệt tài tình khi miêu tả cái đẹp bằng những chi tiết đời sống rất thật: cô gái ngồi bên bếp bóc măng, đôi tay ngấn trắng, lưỡi dao lấp loáng theo nhịp lao động quen thuộc. Câu thơ “*Mắt cắt gì mà sắc thể mắt oi!*” như tiếng reo đầy ngỡ ngàng, thú vị, vừa tôn vinh vừa trêu đùa, vừa chân thật lại vừa đậm chất trữ tình qua cái nhìn của người lính trẻ.

Ở khổ thơ thứ ba, chất thơ nằm ở sự hòa quyện giữa đời thường và cảm xúc. Người lính biên phòng đưa một câu thôi, chỉ một câu để đổi lấy tiếng cười e lệ của cô gái bản. Tiếng cười ấy, sự thẹn thùng ấy có lẽ đã tiếp thêm sức mạnh cho biết bao bước chân tuần tra, khiến những đêm dài dõ quạnh, những con dốc bớt lạnh. Tình yêu của con người nơi núi rừng nên rất dè dặt nhưng cũng rất thâm sâu, luôn là thứ tình cảm khiến con người trở nên nhân hậu và mạnh mẽ hơn: “*Lính biên phòng đưa một câu thôi/ Để được thấy người đẹp cười e lệ/ Hàm răng trắng, làn môi tươi tắn thế/ Sao bàn tay người đẹp cứ hờ che?*”.

Ở những khổ thơ tiếp theo, hình ảnh “người đẹp” không chỉ đẹp ở nét duyên dáng mà còn đẹp ở tấm lòng hiếu khách, thương yêu. Cô quen đón các anh về, quen nhóm bếp lửa, quen chuẩn bị những món ăn dân dã của núi rừng: sắn luộc, khoai lang đào mật... Những thức

Người đẹp và lính biên phòng

*Người đẹp không ngủ trong lâu đài
Người đẹp thức với mái sàn chờ đợi
Lính biên phòng đêm tuần tra biên giới
Mang gió rừng lên từng bậc cầu thang.*

*Người đẹp ngồi bên bếp bóc măng
Ngọn măng trắng hay cổ tay ngấn trắng
Dao thái măng thì lưỡi dao lấp loáng
Mắt cắt gì mà sắc thể mắt oi!*

*Lính biên phòng đưa một câu thôi
Để được thấy người đẹp cười e lệ
Hàm răng trắng, làn môi tươi tắn thế
Sao bàn tay người đẹp cứ hờ che?*

*Người đẹp quen đón các anh về
Bếp lửa đỏ hong khô sương núi
Rá sắn luộc thơm từng ngọn khói
Bát khoai lang đào mật, ngọt câu mời.*

*Không ăn nhiều, người đẹp không vui
Nụ cười tắt còn lửa nào sáng được
Thì ăn thêm, đắp tấm lòng chân thật
Đường tuần tra còn lắm dốc, đêm dài.*

*Lính biên phòng lại đi vào mưa rơi
Người đẹp xuống tận chân thang đưa tiễn.
“Noọng ngủ ngon!” - người đẹp “ồ” một tiếng
Nghe quen rồi cứ ngọt suốt đường biên!*

Vương Trọng

quà ấy tuy mộc mạc nhưng ấm áp, bởi chúng mang theo cả tấm lòng của người con gái gửi đến những người đang canh giữ vùng biên giới cho Tổ quốc. “*Không ăn nhiều, người đẹp không vui/ Nụ cười tắt còn lửa nào sáng được*” - câu thơ hay đến ngỡ ngàng, cái lý lẽ chân chất mà sâu thẳm ấy chỉ có ở những con người giàu tình nghĩa và cũng rất lãng mạn mới phát hiện được.

Khổ kết của bài thơ là một trong những khổ thơ giàu sức gợi nhất. Mưa rơi, trời biên giới mờ mịt, vậy mà người đẹp vẫn xuống tận chân thang đưa tiễn. Lời chào “Noọng

Thơ của một người lính...

PHẠM XUÂN DŨNG

Dại tá, nhà thơ quân đội Nguyễn Hữu Quý sinh năm 1956, quê Quảng Trị, từng nhiều năm là biên tập viên thơ Tạp chí Văn nghệ Quân đội, nay đã nghỉ hưu.

Nhắc đến nhà thơ Nguyễn Hữu Quý, người ta thường nhớ đến bài thơ “Khát vọng Trường Sơn”. Bài thơ nổi tiếng này có thể coi là đỉnh cao trong sáng tác của anh, đã từng đạt giải B (không có giải A) của cuộc thi thơ do Tạp chí Văn nghệ Quân đội tổ chức.

Nhưng viết về đề tài chiến tranh cách mạng và người lính, Nguyễn Hữu Quý còn có nhiều bài thơ khác đáng đọc và đáng nhớ.

Trong bài thơ “Viết từ Thành cổ” lấy cảm hứng từ đất thiêng Quảng Trị, nhà thơ viết rằng: “*Đêm trộn ngày, ngày trộn vào đêm, máu hòa máu trộn vào từng nắm đất. Những dòng máu chảy qua vỡ nát - cỏ nhú mùa xuân như ngực dậy thì?*”

Cỏ là giấc mơ đã bị lấp vùi, là câu hát trái tim chưa hát, là băng khuâng anh chưa kịp gửi, những khát khao chẳng được nảy mầm. Cỏ là em nghìn đêm anh chưa gặp, muốn hôn lên mái tóc thơm nồng thêm chạm vào đáy thất vọng những mầm mồi nỡn nà anh mơ mộng...

Trong bài thơ này, cỏ non Thành cổ theo cách nói của nhạc sĩ Tản Huyền đã hiện thân và hóa thân thành “anh” và “em”, thành đối thoại khắc khoải của tình yêu đôi lứa. Và giấc mơ lứa đôi lẽ ra hoàn toàn có thể thành sự thật nếu như không có chiến tranh. Cái giả định nghiệt ngã không một người nào có lương tri mong muốn ấy đã xảy ra. Tất cả đã biến đổi không ngờ: “*Cỏ Thành cổ, ơi cỏ non Thành cổ - nhịp tim xanh dưới trăng khuyết mong manh làm dịu lại bao vết thương nhức nhối. Ngọn cỏ cuối cùng trút cho anh hơi thở chuyển hồn quê vào khúc lữ trình đêm.*”

Máu khai sinh một dòng sông dưới cỏ tiếng khóc đầu đời vọng mọi làng quê. Đêm thao thức trắng tận cùng thao thức, đêm lẻ loi đen chạm đáy lẻ loi, đêm chảy xiết đôi bờ sục lở, khi vỡ òa giọt máu hồi hương...

Đoạn thơ và cả bài thơ như một khúc tự tình của cỏ, mà cỏ ở đây là cỏ Thành cổ, cỏ thiêng của cõi thiêng, gợi niềm xót xa về những hy sinh, mất mát không thể nào nói hết của những tình yêu mãi mãi dang dở bởi chiến tranh vệ quốc.

ngủ ngon!” chỉ là một lời chúc bình thường nhưng đầy thân thương, như sưởi ấm cả không gian lạnh vắng. Cô gái “*ờ*” một tiếng, nhỏ nhẹ mà ngọt như tiếng gió mơn trên nương ngô. Và nhà thơ đã tinh tế biết bao khi viết: “Nghe quen rồi cứ ngọt suốt đường biên!”. Ngọt không chỉ bởi âm sắc, mà ngọt bởi tình người, bởi sự động viên thầm lặng nhưng không kém phần thiết tha.

Toàn bộ bài thơ là bản hòa ca tình người nơi núi rừng

Người chết thì không thể trở về, chỉ có thể mượn cỏ để gửi hồn về theo ngọn đèn chờ đợi như “giọt máu hồi hương”.

Niềm cô rừng rưng dưới chân Thành cổ Quảng Trị như một tưởng niệm về những anh lính đã ngã xuống vì nước non đất Việt, dâng đặc bao năm trong mỗi bước chân người.

“Dòng sông đỏ chảy về nguồn mẹ, soi hoàng hôn điệp điệp bông lau. Trăng câu liêm đưa nhịp võng kéo cà, hoa cỏ tím bập bênh tiếng trẻ. Tiếng trẻ khóc, trời ơi tiếng trẻ? Xin một lần được khóc với o... oa...”

Trăng quên khuyết. Cỏ quên mình cỏ đắng. Nỗi đôi miền sâu thẳm lại bên nhau...”

Bài thơ “Thơ từ Trường Sa” được nhà thơ Nguyễn Hữu Quý sáng tác trong cảm xúc thời bình:

“Mặn lên da là biển/ Mặn xuống tóc là trời/ Lính đảo không trắng nổi/ Yêu? Hay đừng... em ơi?/ Đảo, đảo mọc thành chùm/ Lính làm hoa cho bể/ Mùa xuân Trường Sa trẻ/ Như bình nhất, bình nhì”

Cách nói khá lạ khi nói về sự khắc nghiệt của khí hậu Trường Sa, nơi xa nhất và cũng khó khăn nhất trong các quần đảo của Việt Nam. Tính từ “mặn” đã nói lên sự vất vả, gian lao của người lính biển ngay giữa thời bình. Dù vậy thì mùa xuân Trường Sa vẫn trẻ trung theo cách ví von rất lính của nhà thơ: “*Như bình nhất, bình nhì*”.

“Sóng, sóng dội bốn bể/ Đảo chìm và đảo nổi/ Thương nhau thì em nhé/ Cưỡi sóng, tìm nhau thôi!/ Dấu cuối đất cùng trời/ Vẫn nồng nàn Tổ quốc/ Câu dân ca đậm ngọt/ Ru ru mầm đá lên/ Nơi mây nước nổi liền/ Làng đảo kẻ đỉnh sóng/ Chỉ một nét thư nghiêng/ Cũng thật nhiều xao động!”

Những câu thơ ngắn gọn nhưng với những hình ảnh, chi tiết chọn lọc thì người đọc vẫn cảm nhận khá đủ đầy tình cảm nơi đầu sóng ngọn gió. Trùng khơi không chỉ có gian nan và nguy hiểm mà còn dạt dào muôn vàn tình cảm và nhờ nó mà người lính vững vàng tay súng canh giữ biển trời. Và mùa xuân đã bắt đầu từ hải đảo xa xôi tím tấp giữa trùng dương.

“Sinh ra đầu ngọn gió/ Hoa bão táp chờ em/ Cánh trắng như nổi nhớ/ Anh gửi vào tháng Giêng...”

Có thể nói, thơ và lính, lính và thơ đã hiện lên khá sinh động qua những tác phẩm chân thực và xúc động, chứa đựng nhiều tình cảm của nhà thơ quân đội Nguyễn Hữu Quý.

biên giới. Ngôn ngữ mượt mà, hình ảnh thơ giàu sức gợi, nhạc điệu mềm mại như tiếng suối đầu nguồn. Cách gọi “*người đẹp*” thân thương mà vẫn tôn trọng, tạo nên một điểm nhấn thẩm mỹ đặc biệt. Đọc thi phẩm, người đọc thoáng mỉm cười về một chút tình nơi miền biên viễn, xúc động về sự nên thơ và đẹp như huyền thoại tỏa ra từ trái tim con người, trân quý hơn những con người đang âm thầm giữ lấy bình yên cho Tổ quốc.



Trước biển...

NGUYỄN CHÍ NGOAN

Một chiều về với biển mênh mông, tôi nghe lòng mình bình yên đến lạ. Nhà tôi ở đảo nên nhìn đâu cũng thấy biển. Tuổi thơ tôi trôi qua theo từng con sóng xô vào bờ trắng xóa, với bờ cát dài miên man...

Tôi vẫn nhớ những sáng xách rổ theo mẹ ra cảng lựa cá cho chủ ghe. Những người phụ nữ đội nón, xách rổ đón đợi từng đoàn tàu cập bến. Lũ trẻ chúng tôi thường hăm hở với mẻ cá tươi, với những con tôm nhảy xoi xoi khi lên bờ và đám mực mềm mại không ngừng ngo ngoáy. Sau mỗi buổi lựa cá, được chủ ghe thưởng cho ít cá nhỏ, chúng tôi hí hụi nướng tôm, cá rồi chia nhau ăn trong tiếng cười rộn rã. Nắng trải dài trên bờ cát nóng, chúng tôi lại ủa ra biển tắm rồi thi xem đứa nào lặn lâu nhất, bơi nhanh nhất, mới xứng đáng làm con của đảo. Người già sống lâu trên đảo vẫn thường đùa rằng “mấy đứa trẻ ở đây biết bơi trước khi biết nói”. Nhờ vậy mà người lớn trong nhà mới yên tâm bám biển, vá lưới, phơi khô.

Những lâu đài cát theo sóng vỡ tan trong ánh nhìn tiếc nuối nhưng chẳng bao lâu ở chỗ đó lại có chiếc lâu đài khác được xây lên. Những giấc mơ cổ tích lại được thắp lên trong thấp thoáng nắng chiều. Tôi thường nằm dài trên cát ngước mắt nhìn cánh

hải âu bay liệng trên nền trời xanh biếc. Giây phút đó, tôi tự hỏi những cánh chim đó sẽ về đâu giữa biển cả thênh thang không thấy nổi bờ. Lũ trẻ chúng tôi bắt đầu mơ về những chân trời khác.

Sau mỗi cuộc đi ghe, những người đàn ông lưng trần ngồi lại cùng nhau bên cút rượu để cay nồng, mắt nhìn về phía biển xa xôi. Câu ca cổ vút lên giữa bạt ngàn sóng vỗ, bác ba, chú tư vỗ đùi đen đét, mỗi khi ai đó xuống xể. Mọi mệt nhọc như vỡ tan cùng sóng nước. Lúc nhỏ, tôi thường ngồi vào lòng ba, nghe các bác, các chú kể về biển cả bao la. Cuộc rượu tàn mà những câu chuyện về biển cứ miên man theo tôi đi vào giấc ngủ.

Biển chiều yên ả, mẹ gánh cá về nhà trên đôi chân trần chai sạn. Ba theo ghe ra biển, nổi trôi trong ánh đèn nhấp nhোয় đêm đen. Đã biết bao lần tôi xin theo ba đi biển nhưng ba chỉ xoa đầu tôi rồi mỉm cười “ở nhà phụ mẹ”. Gian nhà nhỏ ven đồi nằm nghe gió biển thổi suốt trong đêm. Mẹ ngồi dịu dàng bên bếp lửa, mắt vẫn nhìn về phía bầu trời đêm hun hút. Tôi lại tựa vai mẹ, nghe hương biển nồng nàn sau vạt áo. Bất chợt nước mắt rơi lúc nào không hay.

Ngày tôi rời đảo vào thành phố trọ học, ba mẹ cứ trần trọc không ngủ được. Biển cũng âm ào từng đợt

sóng như lời chào của đảo. Tàu đã đi xa mà ba mẹ vẫn đứng ở cầu cảng nhìn theo còn tôi thì không dám ngoái đầu nhìn lại. Hành trang đầu đời tôi mang theo vào đất liền có chai nước mắm cá cơm mẹ nhọc công ủ chiết, có bọc cá khô thơm nắng đảo ba mang về từ biển. Chiếc ba lô nhỏ căng đầy những thức quà của đảo như thể tôi mang cả biển đi cùng.

Đám trẻ xứ đảo ngày xưa giờ đã nổi trôi trong cuộc mưu sinh đời mình. Có đứa rời đi làm người của phố, có đứa lại nối nghiệp gia đình sống đời ngư phủ, có đứa về lại mái trường xưa dạy trẻ em đánh vắn. Tôi cũng trở về làm con của mẹ, nghe lửa reo tí tách trong lò. Ngồi bên mâm cơm chiều có chén nước mắm đại gia đình chấm chung, có con cá chắt chiu từ lòng biển, có hạt gạo trắng ngần từ công sức bao người làm nên. Ba lại kể tôi nghe về những chuyến đi biển xa xôi. Giờ đây ba không còn đi biển nữa nhưng mắt ba lúc nào cũng hướng về phía những chiếc tàu mang khát vọng vươn xa.

Gió biển vẫn rì rào qua hàng dương xanh mát. Những tia nắng lấp lánh trôi trên mặt biển êm đềm. Tôi nghe như vọng về lời ru của mẹ trong tiếng sóng biển dội vào bờ. Và sớm nay trên chiếc ghe vừa rẽ sóng ra khơi, tôi thấy những dáng người thân thuộc vẫn âm thầm bám biển.

Lặng

Thừa ruộng ngày trở dạ
Trong làn khói đốt đồng
Tóc chà ám một thời trận mạc
Nay trắng khói đồng sâu.

Con tìm thấy những dấu chân
Nơi chiến tranh đi qua
Để lại vết sẹo những đôi tro trọi đá
Người chiến sĩ thâm lặng trở về
Sau những chiến công gan dạ
Rừng lại hồi sinh.

Những nhát cuốc vung lên
Cha vá lại vết thương bom đạn
Đôi chè, nường ngô...
Bốn mùa ngút ngát
Bạt ngàn cây gió hát vi vu.

Con thấy dáng hình cha
Nơi cánh đồng gọi bình minh thức dậy
Chỉ chút vết bùn in "dấu chân tròn" vụn vỡ
Thương cánh cò dầm ướt sương đêm.

Con lại thấy
Nơi dòng sông vừa đi qua mùa lũ
Khúc lữ bồi hiển giọt phù sa
Cánh đồng xanh
Một màu xanh bao la.

Và con thấy
Nơi cội vô thường
Một nốt trầm lặng lẽ
Lặng lẽ một đời đời theo bước con đi!



Tự khúc tháng mười hai...

Tháng mười hai nồng nàn qua cửa
Chút hương thấm theo gió băng khuâng
Con đường vắng bước về vội vã
Nón lá che nghiêng trong hoa nắng rơi đầy.

Tháng mười hai nhạt tàn dư ngày cũ
Chiều thênh thang nở những giấc mơ thâm
Người có về ngang miền xưa xanh biếc
Cánh chuồn quê thấp thoáng phía chân trời.

Tháng mười hai nhạt mùa rơi vỡ
Cánh đồng quê sóng lúa xanh rì
Cơn gió thoảng gọi mùa trong vắt
Những bãi bờ xưa thơm ngát lối đi về.

Tháng mười hai những mệnh mông chờ đợi
Mái nhà quê thơm khói bếp mơ màng
Hàng cổ thụ đứng bên đời hiu hắt
Tiếng chim nào về xao động khoảng trời quê...

 NGÔ CÔNG TẤN

Hình như

Hình như có loài hoa nở
Giăng ngang kín cả mùa đông
Hình như con chim én nhỏ
Lượn quanh tha sợi nắng hồng.

Hình như heo may đổi gió
Biển xa thấp thoáng cánh buồm
Cỏ nhú xanh trời ngọc bích
Xa rồi cỏ tích mùa đông.

Hình như có một mùa đông
Chảy qua đời không hẹn trước
Khoảnh khắc giao mùa xanh mướt
Nơi em không hẹn quay về...



Những chàng trai, cô gái Tây Nguyên
hòa điệu nhịp chiêng. Ảnh: T. Biểu

Chuyện kể về nữ tướng rừng xanh

UÔNG THÁI BIỂU

Trời đổ mưa lớn. Ngắm khu rừng sũng ướt bên những triền đồi trập trùng giữa miền cao nguyên Di Linh, tôi như còn nghe âm thanh những ngọn đuốc nổ lép bép và rực sáng trong đêm, dư âm của những tiếng hô vang vọng qua những ngọn núi, những cánh rừng của nghĩa quân Mọ Kọ làm lễ ăn trâu thể không đội trời chung với giặc Pháp xâm lược cách đây gần 70 năm.

Tôi như đang được chứng kiến ánh mắt rực lửa của bà, mái tóc trắng phau của bà rung rung trong gió và lời bà âm vang trầm hùng trước hàng quân: “Hỡi các thần! Hãy giết hết bọn thực dân Pháp xâm lược! Để cho người Thượng, người Chăm, người Kinh cùng nhau

chung sống trong hòa bình, ấm no, hạnh phúc!...”

Đã biết từ rất lâu chính quyền địa phương lấy tên của bà đặt cho một con đường ở xã Di Linh (Lâm Đồng) nhưng đến bây giờ tôi mới thực sự được bước chân trên con đường mang tên người phụ nữ Kơ Ho với cuộc đời đẹp như huyền thoại ấy.

Đường Mọ Kọ bắt đầu từ Quốc lộ 20 đoạn ngang qua xã Di Linh, gần với buôn Dong Dor nơi Ka Nhởi cất tiếng khóc chào đời, cũng là nơi bà hội quân ăn thể chống Pháp. Hơn một cây số trải nhựa băng qua buôn Ka Ming của người Kơ Ho Srê, rồi dừng lại dưới chân đồi Dăng Kér, đó là nơi an nghỉ cuối cùng của nữ tướng rừng xanh vang bóng một thời. Anh K’Nhêo, người cháu gọi Ka Nhởi bằng di ruột cùng tôi lên thăm phần mộ của bà. Ngôi mộ ấy

cũng đơn sơ, khiêm nhường như bao nhiêu phần mộ của những người đồng tộc...

Người già ở Dong Dor kể rằng: Tên mà cha mẹ và những người đồng tộc ở buôn đặt cho bà trong lễ thổi tai là Ka Nhởi, một cái tên dịu dàng dành cho các cô gái Kơ Ho. Bà lớn lên, sống yên lành cùng với sáu anh chị em của mình là K’Gim, K’Brim, K’Gep, Ka Troil, Ka Dim, Ka Dép. Ka Nhởi đẹp dịu dàng như con nai rừng thường về uống nước và nô giỡn cùng trăng bên suối Đa Brăng, hồn nhiên như con chim R’tang vẫn véo von cất tiếng hót trên ngọn Dăng Kér. Nếu cuộc sống mãi yên lành thì Ka Nhởi sẽ hằng ngày lên rừng hái măng, chiều chiều xuống suối kín nước. Đến tuổi cập kê cô gái ấy sẽ bắt chồng, sinh con trai khỏe, con gái khéo tay và sống một cuộc đời bình yên giữa buôn làng cùng với những người thân.

Nhưng rồi ngày vui không lâu, giặc Pháp, cái lũ sài lang từ miền đất xa lạ nào đó đã mang theo súng đạn đến đây. Chúng làm khổ người dân Việt, bắt người Thượng đi xây, nộp thuế. Buôn làng sống trong cảnh tang thương, đau khổ và cùng

cực. Có áp bức là có đấu tranh. Từ một cô gái dịu dàng, Ka Nhỗi trở thành nữ tướng của một phong trào chống Pháp - phong trào Mọ Kọ (một tên gọi khác của thủ lĩnh Ka Nhỗi). Bắt đầu từ buôn Dong Dor của cao nguyên Djirinh, tỉnh Đồng Nai Thượng (xã Di Linh, Lâm Đồng ngày nay), phong trào lan rộng, hàng nghìn người dân Kơ Ho, Mạ, Chăm và những người dân tộc thiểu số cùng khổ ở Tây Nguyên đã tụ về dưới trướng của bà. Người con gái Kơ Ho vừa bước qua hai mươi mùa rẫy đã trở thành nữ tướng. Bà là huyền thoại, là niềm tự hào của vùng đất Tây Nguyên đau thương và bất khuất, là nỗi kinh hoàng, khiếp sợ của kẻ thù...

Tư liệu về thủ lĩnh Ka Nhỗi và phong trào Mọ Kọ trên các trang sử địa phương không nhiều. Trong cuốn “Địa chí Lâm Đồng” có những dòng ngắn ngủi: “Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, từ năm 1937, một phong trào chống Pháp rất sôi động của đồng bào các dân tộc thiểu số bắt đầu từ miền Tây Bắc tỉnh Phú Yên đã lan rộng ra các vùng xung quanh và các tỉnh Tây Nguyên. Là một thành viên của phong trào, hai thủ lĩnh Ka Nhỗi và K’Voai đã thành lập những hội kín, vận động nhân dân quyền góp xu đồng để đúc mũi tên làm vũ khí, không đi xâm cho Pháp. Phong trào bắt đầu từ Dong Dor (Djirinh), sau đó phát triển, thu hút gần 10.000 người tham gia. Giữa lúc phong trào đang phát triển mạnh thì thực dân Pháp phát hiện, bắt giam và tra khảo nhiều người, trong đó có hai thủ lĩnh nói trên. Ngày 13/12/1938, chúng lập tòa án tại huyện Djirinh, kết tội 14 người “âm mưu làm loạn chống lại chính quyền Pháp” và kết án họ từ 14 đến 20 năm tù, trong đó Ka Nhỗi chịu mức án 20 năm khổ sai. Bà bị giam ở Huế...”

Tôi đã có lần được gặp ông K’Sen lúc sinh thời, ông là cậu ruột và cũng là nghĩa quân thân cận của chủ tướng Ka Nhỗi. Lần đó, ông K’Sen đã kể về cuộc nổi dậy, đặc biệt là ông

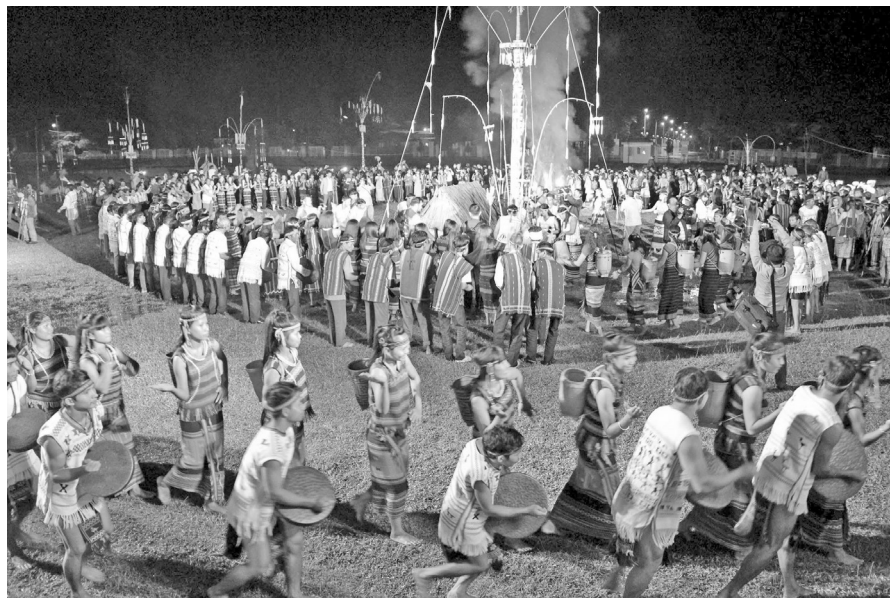
nhớ như in buổi lễ ăn thề. Ông nói rằng, sau lời khấn Yàng của thủ lĩnh Ka Nhỗi, nước thánh Da Yơn được phân phát cho từng nghĩa quân, có nghĩa là sức mạnh của thần linh được truyền vào đôi tay cho đôi tay thêm rắn chắc, truyền vào cho đôi chân thêm khỏe. Họ cùng tuyên thệ không đội trời chung với kẻ thù xâm lược; quyền góp tiền xu để rèn mũi tên đồng, quyền góp lương thực nuôi quân chuẩn bị cho cuộc kháng Pháp lâu dài. Cuộc nổi dậy diễn ra chưa lâu, nghĩa quân chỉ mới đánh vài trận nhỏ. Thế rồi, bọn thực dân và tay sai đã đánh hơi được, sau báo cáo hỏa tốc của Công sứ Pháp tại tỉnh Đồng Nai Thượng gửi Khâm sứ Trung Kỳ với nội dung: “Cuộc bạo loạn của người Thượng tại Đồng Nai Thượng”, kẻ thù đã tổ chức một cuộc bao vây quy mô lớn trong bảy ngày bảy đêm tại căn cứ Dong Dor. Thủ lĩnh Mọ Kọ và toàn bộ ban tham mưu của bà bị giặc Pháp bắt. Tòa án thực dân đã kết án nữ tướng Kơ Ho và “đồng bọn” tội “làm loạn, chống lại nhà nước bảo hộ”. Trước súng gươm của quân xâm lược, Mọ Kọ và những nghĩa quân của bà vẫn thể hiện tinh thần bất khuất, hiên ngang, vẫn lớn tiếng tố cáo tội ác của lũ sài lang cướp nước.

Ông K’Sen còn kể về câu chuyện tình lãng mạn và độc đáo “kể suốt ngày dài đêm thâu không dứt” của

nữ chủ tướng chân đất mà ông hằng kính mến với chàng trai đồng tộc K’Jéo. Đó là mối tình duy nhất, mối tình đẹp như huyền thoại đã theo bà đến suốt cuộc đời, kể cả những năm tháng sống trong cảnh tù đầy kim kẹp của kẻ thù, kể cả khi bà đã về với đất sâu Dăng Kér bên dòng Dạ Brăng từ năm 1973...

Dong Dor ngày xưa, Djirinh và cả vùng đất Nam Tây Nguyên ngày xưa, trong bóng tối của đêm dài nô lệ, đã lóe lên ánh sáng của những phong trào phản kháng, chống lại kẻ thù chung mà cuộc nổi dậy của nghĩa quân Dong Dor dưới sự chỉ huy của nữ tướng Ka Nhỗi là một minh chứng sinh động của lòng yêu nước.

Thêm một lần cúi đầu ngưỡng vọng trước ngôi mộ đơn sơ không một dòng mộ chí của bà, tôi càng thêm khâm phục người nữ chủ tướng giữa rừng xanh năm xưa. Cô gái Kơ Ho dịu dàng, không hề biết chữ, chưa một lần làm quen binh đao với mái tóc trắng phau đứng trước hàng ngàn nghĩa quân tuyên thệ không đội trời chung với quân xâm lược. Chợt nghĩ, giá như ngay trên đỉnh đồi nơi ngày xưa bà hội quân ăn thề, một ngày không xa du khách đi qua ngược lên sẽ bắt gặp hình ảnh oai phong lẫm liệt của một bức tượng đài. Tượng đài ấy mang tên Mọ Kọ...



Nổi dài vòng xoang trong ngày hội. Ảnh: T. Biếu

Tưởng VỀ LÀNG

NGỌC TẤN

Không chọn an hưởng tuổi già nơi phố thị, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Thiếu tướng Rơ Ô Cheo lại về buôn Ju (xã Ia Rsai, huyện Krông Pa cũ, nay là xã Ia Rsai, tỉnh Gia Lai) để sống giữa buôn làng. Tâm niệm của ông rất giản dị: Để lắng nghe tiếng lòng mình trong tiếng lòng dân giữa thái bình...

Nhà tướng Rơ Ô Cheo nằm giữa một khu vườn khá rộng ở buôn Ju. Năm 2013, sau khi nghỉ hưu, ông bán nhà ở Pleiku rồi về ở đây. Vợ ông là bà Kpah H'Vi kém ông 10 tuổi, cũng từng tham gia du kích nhưng chỉ một thời gian ngắn, không có chế độ gì. Ông bà có 6 người con, 5 gái, 1 trai; trong đó 4 người đã ổn định, chỉ còn cô con gái đầu và thứ tư khó khăn hơn, ông bà vẫn phải cưu mang... Ông giờ chẳng làm gì nổi nhưng bà Kpah H'Vi thì còn sức khỏe, ngày ngày vẫn phải chăn thả 10 con bò.

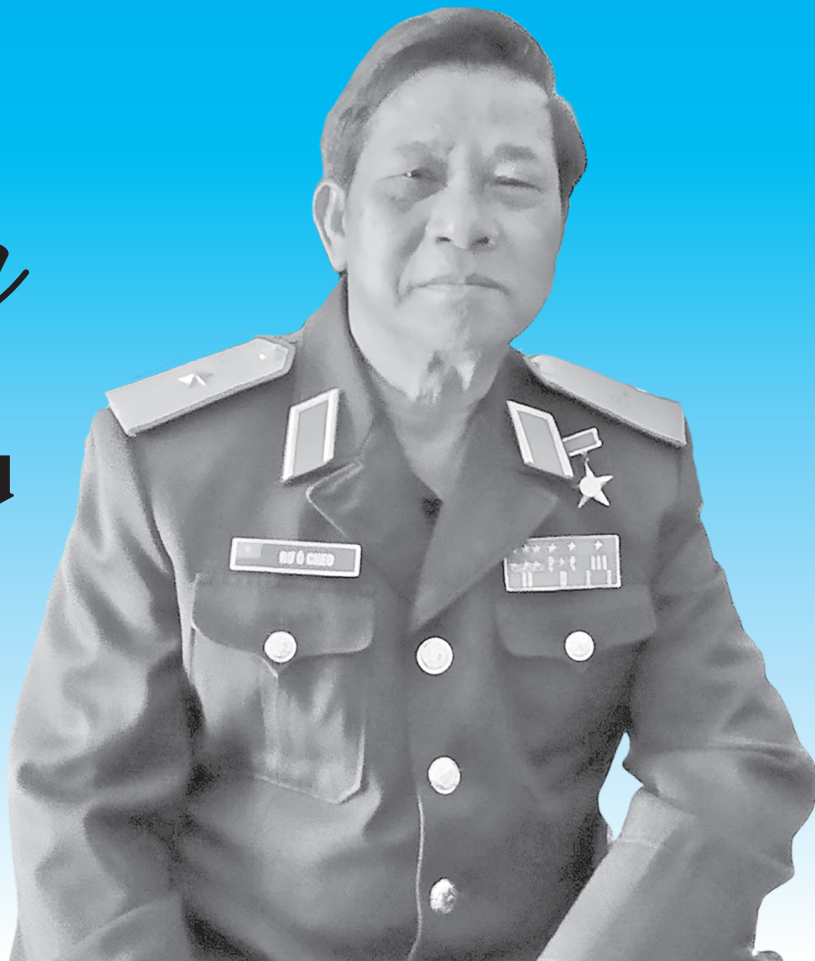
Thôi thì cuộc sống dễ đã được mấy nhà vườn phân vẹn mười. Muốn làng chuyện không vui, tôi hỏi tướng Rơ Ô Cheo thường ngày hay nghĩ về những điều gì. Giọng ông chợt trầm: “Nghĩ về thời quân ngũ”. Thời quân ngũ ấy là 47 năm mà chỉ riêng giai đoạn trực tiếp cầm

súng đánh giặc, vào chết ra sống với vùng đất nằng lửa Krông Pa đã gần ba chục năm. Ngần ấy thời gian thì có biết bao là chuyện đáng nhớ, đáng suy ngẫm...

Thuở ấy, 14 tuổi Rơ Ô Cheo đã xin vào du kích để rồi 2 năm sau thì trở thành bộ đội. Khẩu súng trường vác còn chưa nổi; không biết chữ, chưa qua trường lớp quân sự nào (mãi đến năm 1981 ông mới được cử đi học sĩ quan, vừa học kiến thức quân sự vừa học văn hóa); vậy mà trận nào chỉ huy ông cũng tỏ rõ bản lĩnh, lại đầy mưu lược. Nhớ trận đánh đồn dân vệ Phú Túc. Suốt 3 đêm đích thân Rơ Ô Cheo đột nhập căn cứ địch để điều nghiên việc bố phòng, suýt bị lộ mà vẫn đánh lừa được địch. Kết quả trận đánh, đơn vị đã diệt gọn 30 tên trong khi bên ta chỉ một chiến sĩ hy sinh... Rồi trận chặn địch rút chạy trên đường hồi tháng 3/1975. Suốt 3 ngày đêm bám trận địa không chớp mắt, một mình ông đã diệt 10 tên địch, bắn cháy 1

xe tăng...

Hết giặc Mỹ thì tham gia truy quét FULRO. Có người cho đánh FULRO thì dễ hơn đánh Mỹ nguy? Đâu dễ! Mỹ nguy tuy lực lượng hùng hậu nhưng trên đất này chúng là những kẻ “không nơi ẩn nấp” và trước mắt người lính chỉ một chiến tuyến địch - ta. Còn FULRO cũng là những kẻ sinh ra từ núi rừng, chúng cũng biết dùng cái ưu thế ấy để đối phó. Rơ Ô Cheo còn nhớ trận truy quét FULRO ở Chư Ké, buôn Ya Wấm (Đắk Lắk) năm 1978. Được tin toán FULRO có tới 60 tên do “đại tá” Y Khắc cầm đầu đang lên lút tú về trong rừng, Đại đội trưởng Rơ Ô Cheo trực tiếp đi trinh sát cùng anh em. Đã đến sờ từng cây rừng, từng đầu vông của chúng, vậy mà khi trở ra chỉ huy đơn vị nổ súng cũng chỉ tiêu diệt được 8 tên. Bóng tối, rừng già và bản năng đã giúp chúng chạy thoát... Hay trận truy quét ở buôn Chua (thị trấn Ea Pôk cũ, Đắk Lắk) lại càng rõ thủ đoạn ma mãnh của



Thiếu tướng Rơ Ô Cheo. Ảnh: N. Tấn

Lòng nhân đầu ngọn súng

NGỌC TẤN

Đại tá, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Đức Chuyển (hiện ngụ tại 574/39 Trưng Nữ Vương, TP. Đà Nẵng) có vóc người nhỏ nhắn, gương mặt đôn hậu.

Một buổi trưa, nhìn ra khoảng không chói lòa những nắng, ông nói với tôi: “Cái nắng chói chang này khiến mình lại nhớ nắng đất Lào”. Rồi ông kể cho tôi nghe kỷ niệm về những ngày tháng chiến đấu trên đất bạn cách đây 54 năm...

CUỘC CHẠM SÚNG VÔ TÌNH...

Đại tá Nguyễn Đức Chuyển bắt đầu kể: “Tôi hãy còn nhớ như in cái ngày 11/6/1971 ấy. Bối cảnh bấy giờ, sau Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào giáng cho quân địch những đòn tởm, đơn vị tôi thừa thắng phối hợp với quân giải phóng Pathet Lào giải phóng cao nguyên Bolovel. Cuộc chiến đấu diễn ra dai dẳng và ác liệt. Gần một tháng trời, dưới sự yểm trợ ráo riết của không quân Mỹ, quân nguy Viêng Chăn và lính đánh thuê Thái Lan liên tục phản kích. Thế giằng co giữa ta và địch diễn ra ác liệt. Chiều ngày 11/6/1976, tại khu vực bản Y Tu, quân địch lại tràn lên phản kích. Tuy nhiên đối đầu với sự can trường, dạn dày trận mạc của quân ta, như mọi lần chúng lại phải tháo lui. Thừa thắng, chúng tôi tiến hành truy kích. Đang trên đà chạy, một gã lính từ đâu bỗng tạt ngang trước mặt tôi. Nóng mặt, tôi lia luôn cho hắn một điểm xạ. Gã lính đổ vật xuống với tiếng kêu thét rồi im bặt. Cứ tưởng đã chết, hóa ra hắn chỉ bị thương vào đùi”.

Mở to đôi mắt sợ hãi, tên lính định ninh là sẽ bị một phát đạn kết liễu vào đầu, chẳng ngờ lại thấy ông Chuyển ngồi xuống lấy bông băng ra... “Thực tình lúc ấy tôi đâu có nghĩ gì nhiều, chỉ là chính sách tù binh thuộc nằm lòng như một phản xạ thôi” - ông Chuyển cười nhớ lại. Chống tay đứng lên, đôi mắt tên lính nhìn ông như ngậy đại trước cử chỉ tưởng chừng không thể tin được ấy. Rồi hắn ta lập cập thò tay vào túi lôi ra một chiếc đồng hồ và một nắm tiền đô-la Mỹ ấn vào tay ông Chuyển. Ông mỉm cười gạt tay hắn đi. Khẽ gạt đầu ra về “hiếu rồi”, hắn chỉ tay vào chiếc bi đồng nước ông đang đeo bên sườn... Nước uống giữa trận mạc với cái nắng như vốc lửa này, với người lính, là một thứ gắn liền với sinh mạng. Bởi vậy, dù đang khát cháy cổ, nửa bi đồng nước ông vẫn chưa dám uống vì sợ trận đánh kéo dài... Ông Chuyển cẩn thận rót một nắp đầy đưa cho tên địch và nhủ thầm: “Cho mày cảm hơi như thế đã. Tao đang khát cháy cổ mà không dám uống đây”.

FULRO. Hôm đó đại đội do Rơ Ô Cheo chỉ huy hành quân vào buôn làm công tác vận động quần chúng. Sáng tinh sương đã thấy những dấu chân từ buôn ra rất mới. “Chẳng lẽ hôm nay dân buôn lại đi rầy sớm đến vậy?”, Rơ Ô Cheo nghĩ rồi quan sát kỹ và quả quyết đây là dấu chân của bọn FULRO vừa đột nhập vào buôn. Chúng đi thụt lùi hòng đánh lạc hướng nhưng qua sao được cặp mắt tinh tường của Đại đội trưởng Rơ Ô Cheo! Trận đó dù lấn khuất vào nhà dân, chúng cũng bị tiêu diệt 4 tên. Những tên còn lại tháo chạy tán loạn, không kịp mang theo số củ mì đã cướp và cũng từ đó chúng không bao giờ dám bén mảng về buôn Chua nữa...

Suốt 3 năm trời, từ tháng 9/1975 đến năm 1978, không kể những trận truy kích nhỏ, bình quân mỗi tháng Đại đội 303 đọ súng với FULRO 2-3 lần. Đại đội 303 có 80 cán bộ, chiến sĩ thì chỉ Chính trị viên đại đội Trịnh Hoàng Lâm là người Kinh. Đất nước thống nhất, những tưởng được trở về với cuộc sống rầy rường bình dị thì lại phải tiếp tục đánh giặc FULRO. Để anh em vững tư tưởng, Đại đội trưởng Rơ Ô Cheo đã động viên khéo léo, đặc biệt là phong cách sống bình dị, chan hòa; gặp hiểm nguy thì tự mình đi trước đã tạo cho anh em một niềm tin tuyệt đối, dũng cảm vượt lên khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Với những chiến công xuất sắc, Đại đội 303 đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ tranh nhân dân”...

Trải cả trăm trận đánh thì qua biết bao nỗi hiểm nguy, vậy mà kỳ lạ là Rơ Ô Cheo chỉ bị thương có một lần. Ông bảo rằng có lẽ chính là nhờ khí chất của người Krông Pa. Bao đời cư ngụ trên vùng đất sắt se nắng gió, con người nơi đây đã được hun đúc cái khí chất dũng cảm, kiên cường để đương đầu với mọi hoàn cảnh khắc nghiệt đến tột cùng. Krông Pa là vùng đất duy nhất ở Tây Nguyên tự hào sinh ra hai tướng: Rơ Ô Cheo và Nay Phao (Thiếu tướng Nay Phao, nguyên là Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Đắk Lắk, đã mất)...

Đang từ chuyện ký ức, Rơ Ô Cheo chợt quay sang chuyện buôn Ju nơi ông đang sống: “Buôn Ju, nhiều bà con theo đạo Tin Lành nhưng người theo hay không theo đều đoàn kết, chí thú làm ăn. Nhờ cây điều và sắn, cuộc sống bà con nói chung cũng khá. Tôi về đây ở, bà con vui lắm. Đạo trước tối nào cũng có người đến chơi hỏi chuyện. Trong những cuộc vui như thế, bà con lại mang chuyện làng, chuyện xã, cả những điều khúc mắc ra bày tỏ. Không tham gia công tác gì với địa phương nhưng tôi vẫn nhiệt tình giải thích, góp ý với bà con. Vậy là mọi người đều nghe ra và vui vẻ”.

Tôi ngỏ ý muốn chụp ảnh ông. Trong bộ quân phục, ông bỗng như trở nên một con người khác. Người ta vẫn bảo: ai làm được tướng, hãy nhìn vào đôi mắt họ. Đôi mắt Rơ Ô Cheo quả thật là đôi mắt tướng: nhìn bề ngoài mang dáng dấp một cặp mắt voi hiền lành nhưng bên trong ẩn chứa cái nhìn như xuyên thấu mọi vật, sẵn sàng bùng lên những hành động quyết đoán tức thời...



Đại tá Nguyễn Đức Chuyển (bên trái) và ông Xaraphot trong cuộc gặp bất ngờ tại chùa Thạt Luông (Lào). Ảnh nhân vật cung cấp

Hắn ta ực ngay một hơi. Ông đứng lên toan quay đi, hắn ta lại “ó” lên một tiếng, tay tiếp tục chỉ vào chiếc bi đồng. Không đành lòng, ông lại rút tiếp cho hắn một nắp nữa... Lại ực một hơi và vẫn không dịu nổi vẻ thèm thuồng. “Hắn đang khát cháy cổ và chút nước ấy như rơi vào sa mạc”, ông Chuyển nghĩ, ngăn ngừa một thoáng rồi đưa luôn cả chiếc bi đồng cho tên lính.

“Đang bị thương lại đói khát, một mình giữa chốn quanh vắng này thì hắn ta chết mất” - nghĩ vậy ông Chuyển quyết định công hắn đến bìa rẫy cà phê cạnh bản, nghĩ rằng có ai đó trở về sẽ thấy hắn ta...

CUỘC GẶP GỠ BẤT NGỜ SAU 30 NĂM

Tháng 6/2011, nhân kỷ niệm 30 năm Chiến thắng Bolovel, Hội Cựu chiến binh Trung ương Lào mời các cựu chiến binh từng chiến đấu trên đất bạn đang sống ở Đà Nẵng, trong đó có Đại tá Nguyễn Đức Chuyển thăm lại chiến trường xưa... Trong chuyến đi ấy, tình cờ ông Chuyển gặp lại người lính mà mình cứu mạng

năm xưa tại chùa Thạt Luông...

Xaraphot Ratdara - người lính năm xưa sau là Thiếu tướng Xaraphot Ratdara, Chỉ huy Trung tâm liên kết các quốc gia láng giềng quân đội Hoàng gia Thái Lan, nay đã nghỉ hưu... Ông Xaraphot Ratdara kể cho ông Chuyển nghe diễn biến sau đó cùng hành trình đi tìm ân nhân của mình... Chiều tối hôm đó, khi tổ chức “tái chiếm” lại bản, quân Thái đã tìm thấy Xaraphot... Sự may mắn không ngờ sau trận đánh nhờ đời khiến Xaraphot tin vào số phận và tin rằng nhất định sẽ có ngày gặp lại ân nhân...

“Tôi bắt đầu lần dò tung tích ngài, nhất là từ khi được nghỉ hưu. Cứ gặp người Việt nào ở Thái Lan là tôi lại hỏi dò. Đặc biệt các điểm du lịch thì gần như nơi nào tôi cũng đến. Nhưng tìm người mà tên tuổi, đơn vị, quê quán không biết thì xem ra còn khó hơn mò kim đáy biển! Biết vậy nhưng tôi vẫn không nản. Tôi tin rằng một người có trái tim nhân hậu như ngài thì bom đạn nào giết nổi!” - Xaraphot cười.

Rồi Xaraphot nhờ ông Chuyển

dẫn đến gặp trưởng đoàn tham quan và đề nghị: “Thưa các ngài, hôm nay là một ngày hạnh phúc nhất đời tôi. Sau bao nhiêu lần tìm, cuối cùng tôi đã gặp được ân nhân cứu tôi thoát chết. Với niềm vui vô bờ ấy, tôi muốn mời tất cả các ngài sang du lịch Thái Lan một chuyến. Toàn bộ chi phí sẽ do tôi đài thọ, gọi là chút trả nghĩa cho thỏa lòng”... Ngạc nhiên và bất ngờ nhưng sau lúc hiểu ra câu chuyện, người trưởng đoàn nói rằng việc này phải được phép của đại sứ quán. Xaraphot sốt sắng: “Tôi sẽ đến gặp đại sứ xin phép cho các ngài”.

Vậy là ngay chiều hôm đó Xaraphot đến đại sứ quán ta ở Lào kể lại đầu đuôi câu chuyện và xin phép cho đoàn cựu chiến binh sang Thái. Tuy nhiên theo lịch trình, trưa hôm đó đoàn đã phải về nước.

“Chưa “trả nghĩa” được cho ân nhân, từ đó đến nay, Xaraphot cứ gọi điện nhắc hoài lời mời. Ngại mình sức yếu nhưng cái chính là tôi rất ngại cái sự ơn nghĩa ấy. Tuy nhiên nếu không nhận lời, chắc ông ấy cũng chẳng để cho yên...” - ông Chuyển cười.

Sau bão số 13 và đợt lũ lịch sử tháng 11, thủ phủ tôm hùm vịnh Xuân Đài chịu thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn lồng bè bị cuốn trôi, thủy sản chết hàng loạt. Giữa khó khăn chồng chất, ngư dân nơi đây vẫn đang nỗ lực gượng dậy, từng bước khôi phục sản xuất.

ĐÓNG BÈ, MUA GIỐNG, QUYẾT TÂM KHÔI PHỤC NGHỀ

Trong những ngày qua, tại các làng biển ven vịnh Xuân Đài, người dân đang tất bật sửa chữa, đóng mới lồng bè. Tiếng cưa gỗ, tiếng khoan máy, tiếng người gọi nhau và lưới, đóng khung lồng vang lên rộn rã. Những chiếc bè mới được gia cố chắc chắn hơn, từng bước hạ thủy, thể hiện quyết tâm bám biển, bám nghề của ngư dân sau “cú sốc” thiên tai.

Gia đình ông Nguyễn Thanh Hiếu (phường Sông Cầu) bị thiệt hại nặng khi toàn bộ bè nuôi trồng thủy sản bị hư hỏng hoàn toàn; bão

manh, lũ dâng nhanh khiến nước ngọt tràn vào vùng nuôi làm tôm chết hàng loạt. Ngay sau bão lũ, không chờ hỗ trợ, ông Hiếu thuê thợ đóng lại bè mới, làm liên tục nhiều ngày để sớm ổn định sản xuất. “Với người dân vịnh Xuân Đài, nuôi trồng thủy sản không chỉ là kế sinh nhai mà còn là nghề truyền đời. Bè hỏng thì đóng lại, tôm chết thì mua giống mới thả nuôi tiếp. Cố gắng giữ nghề, rồi khó khăn cũng sẽ qua”, ông Hiếu quả quyết.

Trong đợt bão lũ vừa qua, hàng nghìn lồng nuôi của ngư dân trong vịnh bị sóng cuốn trôi, đánh rách lưới, gãy khung... không thể sử dụng. Gác lại những thiệt hại phía sau, bà con lại vay mượn, gom góp tiền mua lưới mới, đóng khung, tỉ mỉ khâu từng mắt lồng, chuẩn bị cho vụ nuôi mới. Anh Phạm Văn Khoa (phường Sông Cầu) cho biết: “Nhà tôi đang làm thêm ba lồng nuôi để thay thế số lồng bị hư hỏng. Sau đó, chúng tôi phải nuôi thêm 1 - 2 năm nữa mới có thể lấy lại vốn, bù đắp phần nào thiệt hại”.

MONG ĐƯỢC TIẾP SỨC KỊP THỜI

Dù vậy, con đường khôi phục nghề nuôi tôm hùm ở vịnh Xuân Đài vẫn còn vô vàn khó khăn.

Ông Nguyễn Văn Ánh, người nuôi tôm hùm ở phường Sông Cầu chia sẻ, sau đợt mưa lũ vừa qua, gia đình ông thiệt hại khoảng 5 tỷ đồng, chủ yếu là vốn vay ngân hàng và tiền mua con giống còn chưa kịp thanh toán. “Toàn bộ vốn liếng gần như mất trắng, trong khi các khoản nợ vẫn còn đó. Điều mong mỏi nhất lúc này là ngân hàng khoan giãn khoản nợ cũ, tiếp tục cho vay mới để chúng tôi có điều kiện tái sản xuất, bám nghề, kiếm tiền trả nợ, duy trì cuộc sống”, ông Ánh bày tỏ.

Theo các ngư dân nuôi tôm hùm, để có thể quay lại sản xuất, bà con phải đầu tư làm lại lồng nuôi, đóng mới bè, mua con giống và tiền thức ăn cho tôm. Đây đều là những khoản không thể cắt giảm. Ông Bạch Văn Thương (phường Sông Cầu) tính toán, chi phí thả tôm hùm giống giai đoạn đầu khoảng 24 triệu đồng mỗi lồng nuôi. Bình quân mỗi hộ nuôi trên vịnh Xuân Đài có khoảng 20 lồng, tương đương số vốn ban đầu lên tới 480 triệu đồng. Với mức đầu tư lớn như vậy, trong bối cảnh vừa mất trắng sau thiên tai thì để khôi phục sản xuất bà con rất cần được trợ lực. “Nếu bà con không thể tái sản xuất thì đồng nghĩa với mất sinh kế, bởi ngoài nuôi tôm hùm, chúng tôi hầu như không còn nghề nào khác để mưu sinh”, ông Thương chia sẻ.

Hiện chính quyền các địa phương đang khẩn trương thống kê thiệt hại, làm cơ sở triển khai các chính sách hỗ trợ. “Các giải pháp như khoan nợ, giãn nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, cho vay mới với lãi suất ưu đãi được xem là “phao cứu sinh” để ngư dân có điều kiện làm lại từ đầu. Địa phương rất mong các cấp, ngành quan tâm, hỗ trợ kịp thời để bà con sớm khôi phục sản xuất”, Chủ tịch UBND phường Sông Cầu Võ Ngọc Thạch cho biết.

THỦ PHỦ TÔM HÙM gượng dậy sau bão lũ

TUỆT HƯƠNG - MINH DUYỀN



Các bè nuôi bị hư hỏng ít, bà con sửa chữa ngay trên mặt đầm. Ảnh: T. Hương

Sau SEA Games 33, đã đến lúc thể thao Việt Nam (TTVN) cần phải chuyển mình thật sự mạnh mẽ để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, chuyên nghiệp, vươn tầm châu lục.

DẤU ẤN SEA GAMES 33

Sân chơi SEA Games, dù đã có nhiều thay đổi vẫn luôn là “bàn đạp” để TTVN vươn ra đấu trường châu lục và thế giới.

Về cơ bản, tại SEA Games 33, các môn trong chương trình Olympic từ canoeing, điền kinh đến bơi lội, TTVN đều để lại dấu ấn. Những môn Olympic đòi hỏi nền tảng khoa học huấn luyện, chiều sâu đào tạo và sự bền bỉ tích lũy. Chỉ tính riêng nhóm môn này, chúng ta không hề thua kém nước chủ nhà. Thành tích tại SEA Games xứng đáng được ghi nhận nhưng điều quan trọng hơn nằm ở “chất” của những tấm huy chương.

Sau nhiều năm bền bỉ tái cơ cấu hệ thống huấn luyện, đầu tư trọng điểm và sàng lọc lại các trụ cột thể mạnh, TTVN đang bắt đầu gặt hái thành quả của một chiến lược dài hơi: chuyển từ tư duy “giành vàng khu vực” sang định hướng “tiệm cận chuẩn Olympic”. Đó không phải là sự trùng hợp mà nằm trong hướng đi mới của TTVN.

Đằng sau mỗi tấm huy chương là dấu ấn của khoa học thể thao, của quá trình chuẩn bị nghiêm túc, của sự thay đổi căn bản trong tư duy làm thể thao thành tích cao. Những chiến thắng ở các môn thể thao cơ bản chính là sự xác nhận rõ ràng nhất về chất lượng đào tạo, về giáo án tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Sự chuyển dịch ấy cho thấy một nền thể thao đang trưởng thành, tự tin hội nhập.

Đáng chú ý hơn, SEA Games 33 đánh dấu một cuộc chuyển giao thế hệ đồng loạt và lớn nhất từ trước đến nay của TTVN ở các môn Olympic. Đầu tư cho các môn Olympic là một cam kết dài hạn, đòi hỏi sự kiên nhẫn và tầm nhìn vượt khỏi khu vực Đông Nam Á.

HƯỚNG ĐI CHO TƯƠNG LAI

Đích đến của TTVN không dừng lại ở SEA Games. Đại hội khu vực là một bệ phóng, đích thực sự là ASIAD và Olympic, nơi năng lực toàn diện của con người Việt Nam được thử thách trong môi trường khắc nghiệt nhất. Những gì TTVN thể hiện hôm nay chính là nền móng cho ngày mai.

Công bằng mà nói, trình độ các vận động viên khu vực vẫn còn khoảng cách đáng kể với châu lục và thế giới. Vì thế, vấn đề được đặt ra là cần có cái nhìn thực tế hơn với thể thao đỉnh cao ở những môn Olympic, tiếp tục tinh giản những nội dung, hoàn thiện và rút ráo hơn nữa công tác xã hội hóa thể thao đỉnh cao.

Tuy vậy, điều cốt lõi nhất, quan trọng nhất là nhận thức, tư duy vượt tầm khu vực. Chúng ta phải coi ASIAD cũng chính là “tiểu Olympic”. Ở đấu trường này có sự tham gia của nhiều nền thể thao mạnh, đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, các quốc gia Trung Á, Tây Á đều rất giỏi. Phải

xem ASIAD như một “quả núi” để có thể tranh chấp huy chương với bạn bè. Nhận thức này không chỉ ở những nhà lãnh đạo, quản lý mà còn phải được truyền đến các huấn luyện viên, vận động viên.

Trên bước đường phát triển mới, cần chú ý đặc biệt đến hai yếu tố “trọng điểm” và “đặc hiệu” khi đầu tư cho thể thao. Lựa chọn những môn thể thao “trọng điểm” và có được phương pháp “đặc hiệu” từ nguồn kinh phí trong tập luyện, thi đấu, khen thưởng. Không thể đầu tư dàn trải, cào bằng mà đầu tư chiều sâu vẫn là mong muốn và luôn đòi hỏi được bổ sung.

Chiến lược phát triển thể dục thể thao mang lại nhiều kỳ vọng lớn lao nhưng cũng hết sức khó khăn. Để hoàn thành không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực của các cơ quan quản lý mà còn cần sự chung tay của toàn xã hội, từ người dân, doanh nghiệp đến các tổ chức quốc tế. Và với quyết tâm cao nhất, TTVN hứa hẹn sẽ vươn mình mạnh mẽ trên bản đồ thể thao thế giới trong tương lai.

Vì một nền thể thao BỀN VỮNG



ĐÔNG NGHI

VĐV trẻ Bùi Thị Kim Anh gây ấn tượng mạnh khi xuất sắc chinh phục mức xà 1,86 m ở nội dung nhảy cao tại SEA Games 33. Ảnh: Đ. Nghi



Tám HCV SEA Games 33 tiếp thêm động lực cho bóng đá trẻ nước nhà. Ảnh: Đông Nghi

Bóng đá Việt Nam với guồng quay mới

VIỆT TUẦN

Không kịp nghỉ ngơi, sau SEA Games 33, U22 Việt Nam lập tức chuẩn bị cho mục tiêu lớn tiếp theo là vòng chung kết (VCK) U23 châu Á 2026 với chuyến tập huấn tại Qatar. Một guồng quay mới bắt đầu với không ít vận hội nhưng cũng nhiều thách thức.

MỘT NĂM "ĐƯỢC MÙA"

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc rực rỡ của bóng đá trẻ Việt Nam khi U22 Việt Nam gặt hái những thành công trọn vẹn trên đấu trường khu vực. Dưới sự dẫn dắt của huấn luyện viên (HLV) Kim Sang-sik, U22 Việt Nam không chỉ thể hiện bản lĩnh, sự ổn định về chuyên môn mà còn cho thấy chiều sâu lực lượng cùng tinh thần thi đấu kiên cường, qua đó khép lại năm thi đấu với danh hiệu vô địch U23 Đông Nam Á cùng tám Huy chương Vàng (HCV) SEA Games 33 đầy thuyết phục.

Tuy vậy, nếu nhìn một cách tỉnh táo, chiến thắng này càng cần được đặt trong tinh thần "thắng không kiêu", bởi đoàn quân của HLV Kim Sang-sik đã có rất nhiều điều kiện thuận lợi để hoàn thành mục tiêu.

HLV Kim Sang-sik thừa nhận, niềm vui này là nền tảng cho sự tự tin. Nhưng tự tin phải đi kèm với tỉnh táo. U22 Việt Nam có quyền tự hào, nhưng càng cần quên nhanh men say chiến thắng để hướng tới mục tiêu cao hơn.

Phía trước U22 Việt Nam là VCK U23 châu Á 2026, một sân chơi hoàn toàn khác. Ở đó, các đối thủ không chỉ mạnh về thể lực hay tốc độ, mà còn vượt trội về tổ chức chiến thuật và trình độ cá nhân.

GUỒNG QUAY MỚI, THÁCH THỨC MỚI

Nhiệm vụ tại SEA Games 33 đã được hoàn thành xuất sắc nhưng đó không phải là đích đến cuối cùng. Để hiện thực hóa tham vọng vươn ra biển lớn, U22 Việt Nam cần nhiều

hơn là sự vượt trội về nhân sự. Thầy trò HLV Kim Sang-sik phải hướng tới sự hoàn thiện trong hệ thống chiến thuật, cải thiện khả năng ứng biến trước các đối thủ mạnh và nâng cao bản lĩnh thi đấu ở cường độ cao. Chỉ khi đó, bóng đá trẻ Việt Nam mới có thể tự tin cạnh tranh sòng phẳng tại sân chơi U23 châu Á.

Cứ mỗi lần VCK U23 châu Á diễn ra mà bóng đá trẻ nước nhà được góp mặt, ký ức tươi đẹp Thường Châu 2018 lại trở về. Năm nay, thầy trò HLV Kim Sang-sik khởi đầu ở bảng A, cùng với chủ nhà Saudi Arabia, Jordan và Kyrgyzstan, một bảng đấu được đánh giá "dễ thở" và chơi được. Ngoài chủ nhà Saudi Arabia, 2 đối thủ còn lại được xếp tương đương về năng lực. "Thường Châu tuyết trắng" chính là cái "ngưỡng" mà HLV Kim Sang-sik cùng học trò chắc chắn muốn hướng đến dù đó là điều không hề đơn giản.

Cho đến lúc này, bóng đá Việt Nam cho thấy "cái duyên" với HLV người Hàn Quốc, khi ông Kim Sang-sik là người được lựa chọn để chèo lái con thuyền bóng đá Việt Nam cho chu kỳ phát triển mới. Đến Việt Nam trong giai đoạn khó khăn nhưng chiến lược gia người Hàn Quốc biết cách biến thách thức thành động lực chiến thắng.

Còn nhiều khó khăn, thách thức ở phía trước nhưng tương lai của bóng đá Việt Nam có thể tươi sáng hơn khi ông Kim Sang-sik đã khơi dậy được tinh thần chiến đấu của các cầu thủ. Ngoài ra, ông đã có đủ thời gian để hiểu bóng đá Việt Nam và các cầu thủ mà ông lựa chọn. HLV Kim Sang-sik đang cải tiến, sắp xếp cầu thủ phù hợp với năng lực của họ để tạo nên đội tuyển Việt Nam có lớp lang dựa trên những nhân tố cũ và mới.

Khép lại chiến tích ở những ngày cuối năm, bóng đá Việt Nam sẽ bước tiếp guồng quay mới với những mục tiêu mới đan xen giữa cơ hội cùng thách thức. Tất cả vẫn phải liên tục lao động và nỗ lực không ngừng cho những đích đến tiếp theo.



Bánh ướt đậm vị quê nhà

Thực khách thưởng thức món "Bánh ướt chồng đĩa" tại phường Buôn Ma Thuật. Ảnh: H. Diệu

 **HUYỀN DIỆU**

Được làm từ bột gạo, bánh cuốn (bánh ướt, bánh cuốn) là món ăn dân dã, gần gũi của người Việt. Song mỗi vùng đất, bánh ướt cuốn lại có một hương vị riêng.

Ở vùng quê Nghệ An, nơi tôi ở, bánh cuốn còn được gọi với cái tên mộc mạc, thân thương: bánh cuốn. Còn nhớ những sáng mùa đông, trời lạnh lẽo, mỗi lần theo mẹ đi chợ sớm, tôi lại nèo mẹ đến hàng bán bánh cuốn. Tắm bánh trắng ngần, mềm mịn được cuộn tròn, phủ lên trên là lớp hành phi vàng ruộm, thơm lừng. Không chỉ chấm cùng nước mắm chanh ớt, bánh cuốn nơi đây còn được ăn kèm với những món ăn quen thuộc của xứ Nghệ như: súp lơ, xáo gà, xáo lòng..., mang đến một hương vị riêng, đậm chất quê nhà.

Sau này, gia đình tôi chuyển vào Đắk Lắk sinh sống. Trên quê hương thứ hai, tôi có dịp thưởng thức nhiều loại bánh ướt cuốn của nhiều vùng quê với hương vị khác nhau. Có lần, khi đi công tác ở xã Ea Súp, bắt gặp một quán bánh ướt cuốn bên đường nghỉ ngơi thoáng, tôi ghé vào. Chủ quán là người dân tộc Tày. Ngoài bánh cuốn nhân thịt, mộc nhĩ quen thuộc, còn có bánh cuốn trứng béo ngậy. Điều khiến tôi ấn tượng là cách thưởng thức bánh ở đây khá lạ: bánh được chấm đắm vào chén nước xương ninh nhừ, ăn kèm giò lụa và măng ớt mằn mặn. Bánh và nước dùng nóng hổi hòa quyện cùng vị chua cay đặc trưng, mang đến hương vị độc đáo.

Ngay tại phường Buôn Ma Thuật nhộn nhịp, các quán bánh ướt cuốn với đủ sắc thái hương vị của nhiều vùng miền hiện diện. Thi thoảng, tôi cùng em gái lại chọn

một buổi sáng nhẹ nhàng với bánh ướt cuốn trên đường Mai Hắc Đế. Bánh cuốn nhân mộc nhĩ nóng hổi được ăn kèm chả nướng thơm lừng, cùng bát nước chấm chua ngọt, cay cay, thêm chút đồ chua để hương vị bùng lên trọn vẹn. Có lần, theo gợi ý của cô giáo cũ, tôi tìm đến một quán nhỏ trên đường Giải Phóng để thưởng thức một loại bánh cuốn Bắc khá độc đáo mà ít quán trên địa bàn tỉnh có bán. Bánh tráng mỏng tang, phết lớp dầu hành vàng óng, xếp chồng các lớp mềm mịn. Khi ăn, gấp từng lớp bánh, ăn cùng hành phi, rau thơm, chả lụa, chả quế - giản dị mà đậm đà, để lại dư vị khó quên.

Ở Buôn Ma Thuật, tôi khá thích thú với món bánh ướt chồng đĩa - một sáng tạo thú vị. Khác với kiểu bánh cuốn sẵn truyền thống, ở đây, mỗi chiếc bánh được tráng thật mỏng, trải riêng trên từng đĩa nhỏ, luôn nóng hổi. Trên mặt bánh chỉ điểm nhẹ chút mỡ hành, hẹ và ít bột tôm để dậy hương. Các món ăn kèm phong phú như: thịt nướng, nem nướng, chả lụa, nem chua, xoài bào, dưa leo, dưa chua, rau thơm... Khi thưởng thức, thực khách tự chọn nguyên liệu mình thích đặt lên bánh rồi cuộn lại, chấm cùng mắm nêm hoặc nước mắm chua ngọt là trọn vị. Với hình thức "mỗi bánh một đĩa" độc đáo, tùy sức ăn, mỗi người có thể thưởng thức từ 10 - 30 đĩa trong một lần.

Đặc biệt, ở phường Ea Kao nơi tôi sinh sống, có một bác gái người Nghệ An thường tự tay tráng những mẻ bánh cuốn quê, rồi thi thoảng chở đi bán dạo. Bánh mềm mịn, hành phi thơm nức mũi, hương vị giản dị mà thân thuộc ấy khiến những ký ức tuổi thơ trong tôi bỗng chốc ùa về.



BUH
BUON MA THUOT MEDICAL
UNIVERSITY HOSPITAL



IVF MỸ ĐỨC BUÔN MA THUẬT,
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUẬT

Ươm mầm
hạnh phúc **2026**

2 VẠCH

GIẤC MƠ CÓ THẬT

Chương trình Hỗ trợ chi phí thụ tinh trong ống nghiệm

dành cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn

tại IVF Mỹ Đức Buôn Ma Thuột, Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột

05/01/2026

ĐẾN

15/01/2026

**NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ**

16/01/2026

ĐẾN

30/01/2026

**SÀNG LỌC
HỒ SƠ**

05/02/2026

**THÔNG BÁO
KẾT QUẢ**

06/02/2026

ĐẾN

31/10/2026

**ĐIỀU TRỊ
CHÍNH THỨC**

Quét QR

để xem chi tiết chương trình

**IVF MỸ ĐỨC BUÔN MA THUẬT
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC BUÔN MA THUẬT**

 Tầng 5, Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột
298 Hà Huy Tập, P. Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

 Liên hệ tư vấn
090 680 9911



Tháp Nhạn về đêm. Ảnh: Viễn Duy





BẢO VIỆT NHÂN THỌ **DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC CHÂU Á 2025** **THƯƠNG HIỆU TRUYỀN CẢM HỨNG 2025**

Do Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Á - Enterprise Asia bình chọn

CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 09 Trần Hưng Đạo, Phường Buon Ma Thuột,
Tỉnh Đắk Lắk ĐT: (0262) 3953314

CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 147 Hùng Vương, Phường Tuy Hòa,
Tỉnh Đắk Lắk ĐT: (0257) 3827382